



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 19/2022
Từ 16/5 - 20/5/2022

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TỔ CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÔN ĐỐC, THÁO GỖ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐẨY MẠNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ LÀM VIỆC VỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh đôn đốc tiến độ giải ngân đầu tư công tại 9 Bộ, ngành

Sáng ngày 16/5, tại Trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh, Tổ trưởng Tổ công tác số 1 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 chủ trì cuộc họp với 9 Bộ, ngành có tốc độ giải ngân chậm hơn so với mặt bằng chung cả nước.



Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh chủ trì cuộc họp với 9 Bộ, ngành có tốc độ giải ngân chậm hơn so với mặt bằng chung cả nước - Ảnh: VGP/Hải Minh

Phát biểu mở đầu cuộc họp, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Bình Minh nêu rõ khối lượng giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 khoảng trên 700.000 tỷ đồng, tăng khoảng 200.000 tỷ đồng so với những năm trước.

Ước tính từ ngày 01/01/2022 đến 31/5/2022, tỷ lệ giải ngân vốn ngân sách Nhà nước đạt 22,37% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao trong năm 2022.

Trong tổng nguồn vốn nêu trên, các cơ quan dự hợp được phân bổ khoảng gần 10.000 tỷ đồng. Đến nay, các cơ quan này đã phân bổ chi tiết gần 90% tổng số vốn được phân bổ nhưng tỷ lệ giải ngân còn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước.

Vì lý do đó, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 02/5/2022 về việc thành lập 6 Tổ công tác để kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

Gợi ý thảo luận, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ đề nghị các cơ quan, Bộ, ngành dự họp cần tập trung nêu rõ về năng lực giải ngân của từng dự án, nguyên nhân dẫn đến chậm tiến độ giải ngân, đề xuất giải pháp, trong đó có hướng điều chuyển nguồn vốn cho những dự án có khả năng giải ngân nhanh, nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư trong năm nay.

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh nhấn mạnh, nếu có vướng mắc về chính sách pháp luật, các đơn vị cần kiến nghị rõ để trình các cấp có thẩm quyền sửa đổi kịp thời.

Phát biểu tại cuộc họp, đại diện các Bộ, ngành đã báo cáo về tiến độ phân bổ vốn, giải ngân vốn đầu tư công đồng thời nêu những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, giá thành vật liệu xây dựng tăng cao, trong khi một số dự án mới cần thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định. Bên cạnh đó, có những dự án của các bộ, ngành dự họp được triển khai ở nhiều địa phương, năng lực của một số ban quản lý dự án, chủ đầu tư, nhà thầu còn bất cập.

Trước tình hình trên, các cơ quan đã kiến nghị trình Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2021 sang năm 2022; đồng thời, đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, trình Chính phủ có phương án và giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các nhà thầu thi công bị ảnh hưởng bởi giá nguyên nhiên vật liệu xây dựng tăng cao.

Kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ nhấn mạnh việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với quá trình phục hồi và phát triển kinh tế đất nước.

Các Bộ, ngành phải xác định rõ tinh thần nếu dự án nào không kịp triển khai thì sớm điều chuyển vốn, còn nếu đã quyết tâm giải ngân thì phải nhanh chóng có biện pháp triển khai quyết liệt, thường xuyên rà soát, cập nhật tiến độ theo các mốc tháng 6, tháng 9 và tháng 12.

Trong thẩm quyền của mình, các cơ quan phải tập trung nâng cao năng lực của các ban quản lý dự án, chủ đầu tư, nhà thầu; thực hiện các dự án đầu tư công phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, nếu có bất cập về thể chế thì gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất điều chỉnh chung trên cả nước.

Cùng với đó, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ yêu cầu rà soát lại quy trình, thủ tục giải ngân, tạo điều kiện tạm ứng tối đa, thanh toán nhanh cho các nhà thầu, đồng thời cập nhật nhanh chóng, thường xuyên khối lượng giải ngân để Chính phủ nắm bắt con số chính xác nhất về thực trạng giải ngân vốn đầu tư công, trên cơ sở đó có biện pháp phù hợp, kịp thời.

*** Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam kiểm tra, đôn đốc 17 Bộ, ngành giải ngân vốn đầu tư công**

Ngày 17/5, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam, Tổ trưởng Tổ công tác số 3 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 đã làm việc với 17 Bộ, cơ quan Trung ương.

Chưa phân bổ chi tiết 1.223 tỷ đồng

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 được giao cho các Bộ, cơ quan Trung ương thuộc diện kiểm tra, đôn đốc của Tổ công tác số 3 là 12.019 tỷ đồng.

Đến nay, các đơn vị đã phân bổ, giao chi tiết cho từng nhiệm vụ, dự án là 10.796 tỷ đồng, còn lại chưa phân bổ chi tiết là 1.223 tỷ đồng.

17 Bộ ngành giải ngân đạt 3,86% kế hoạch, thấp hơn bình quân chung cả nước

Ước giải ngân 5 tháng của các Bộ, cơ quan Trung ương tính đến ngày 31/5 khoảng 464 tỷ đồng, đạt 3,86% kế hoạch năm 2022, thấp hơn mức bình quân chung cả nước là 20,27%, trong đó 13 đơn vị dự kiến giải ngân rất thấp dưới 10%.

Bên cạnh những khó khăn thường được nêu ra như giá nguyên nhiên liệu, vật liệu tăng cao đột biến, chậm giải phóng mặt bằng, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam yêu cầu lãnh đạo các Bộ, ngành phân tích rõ, cụ thể những khâu còn vướng mắc, nguyên nhân thuộc về trách nhiệm của các đơn vị.

Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phạm Ngọc Thường nhìn nhận, nguyên nhân chậm giải ngân các dự án thuộc Bộ quản lý là do chất lượng chuẩn bị hồ sơ dự án chưa kỹ lưỡng nên gặp vướng mắc khi triển khai.

Còn Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch Đoàn Văn Việt cho rằng, việc giao vốn ngân sách Nhà nước muộn cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ triển khai, giải ngân.

Đáng chú ý, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Bá Hoan nêu thực tế hiện nhiều dự án vốn ODA đang bị chậm do quy trình, thủ tục còn phức tạp, nhất là trong trường hợp phải điều chỉnh, bổ sung nội dung dự án.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Hồng Minh cho rằng, cơ cấu tổ chức bộ máy trong lĩnh vực này, từ tư vấn, quản lý dự án, gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí có nhiều xáo trộn. Khi triển khai thực hiện, sự phối hợp trong nội bộ và giữa các Bộ, ngành chưa được nhịp nhàng, thông suốt.

Theo lãnh đạo các Bộ, cơ quan Trung ương, để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công thì rất cần sự phối hợp chặt chẽ với địa phương nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, nguyên vật liệu.

Đồng thời, từng đơn vị phải chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các Bộ, cơ quan Trung ương sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư công, đất đai, xây dựng và pháp luật có liên quan theo hướng phân cấp, đơn giản hóa thủ tục về đầu tư, giải ngân để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công mà đang gây khó khăn cho việc giải ngân.

Người đứng đầu phải xác định giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm

Qua các ý kiến tại cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, hoàn thiện báo cáo về giải ngân vốn đầu tư công phù hợp với tình hình, đặc điểm của các bộ, cơ quan Trung ương thuộc diện kiểm tra, đôn đốc của Tổ công tác số 3, lưu ý những dự án chậm tiến độ, dự án có quy mô lớn, nhưng chậm bố trí vốn thực hiện.

Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam yêu cầu các đơn vị rà soát kỹ tất cả các khâu, từ chuẩn bị dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng đến triển khai thi công, đôn đốc tiến độ...; kiên quyết khắc phục tình trạng khi đưa vào danh mục đầu tư dự án chưa hoàn thiện thủ tục; thực

hiện dứt điểm giải phóng mặt bằng trước khi triển khai dự án; rà soát, kiện toàn năng lực các ban quản lý dự án;...

Người đứng đầu các Bộ, cơ quan phải xác định việc giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2022, chỉ đạo, điều hành quyết liệt để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

*** Phó Thủ tướng Lê Minh Khái làm việc với 8 tỉnh về giải ngân vốn đầu tư công**

Chiều ngày 16/5, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, Bí thư Trung ương Đảng, Tổ trưởng Tổ công tác số 2 của Thủ tướng Chính phủ đã làm việc với 8 tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long để kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

Giải ngân vốn đầu tư công thấp hơn trung bình cả nước

Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình, kết quả ước giải ngân 5 tháng đầu năm 2022 cho biết, tại Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 cho 8 tỉnh, thành phố với tổng số vốn 39.760,930 tỷ đồng (đến nay đã phân bổ chi tiết 85,67%), trong đó tổng số vốn ngân sách trung ương trong nước là 9.942,905 tỷ đồng (đã phân bổ chi tiết 100%); tổng số vốn ODA là 3.195 tỷ đồng (đã phân bổ chi tiết 78,44%); tổng số vốn ngân sách địa phương là 26.622,840 tỷ đồng (đã phân bổ chi tiết 100,97%).

Về kết quả giải ngân năm 2022, tính đến ngày 30/4, cả 8 tỉnh đã giải ngân được 5.768 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương đạt 14,2%, tuy cao hơn cùng kỳ năm trước nhưng thấp hơn bình quân chung của cả nước 15,08%.

Cụ thể, nguồn vốn ngân sách trung ương trong nước giải ngân đạt 11,8% thấp hơn bình quân chung của cả nước là 16,13%, thấp hơn 4,7% cùng kỳ năm trước. Nguồn vốn ODA nước ngoài giải ngân đạt 0,9% thấp hơn bình quân chung của cả nước là 4,1%. Nguồn vốn ngân sách địa phương giải ngân đạt 16,7% cao hơn bình quân chung cả nước là 15,68%, cao hơn 4,7% so với cùng kỳ năm trước.

Ước giải ngân 5 tháng của 8 địa phương (tính đến 30/5) khoảng 7.657,790 tỷ đồng, đạt 18,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn mức bình quân chung của cả nước là 20,61%.

Coi kết quả giải ngân vốn đầu tư công là tiêu chí để đánh giá cán bộ

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nguyên nhân của việc giải ngân chậm là do giá nguyên vật liệu tăng cao; vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thủ tục thực hiện một số công việc mất nhiều thời gian; công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu, điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán của nhiều dự án thực hiện chậm, việc kiểm tra, giám sát thực hiện đối với một số chủ đầu tư chưa thường xuyên, chưa đôn đốc kịp thời, chưa xử lý đối với những trường hợp chậm tiến độ...

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Ban Quản lý, chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể đối với từng công trình, tổ chức giao ban hàng tháng để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án. Chịu

trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân về việc giải ngân không bảo đảm tiến độ đề ra. Khẩn trương nghiệm thu các hạng mục đã hoàn thành,...

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tập trung thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt; coi kết quả giải ngân vốn đầu tư công là tiêu chí để đánh giá cán bộ; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc không để chậm những việc thuộc thẩm quyền; thành lập các tổ kiểm tra, đôn đốc tiến độ đầu tư công trên từng địa bàn cụ thể.

Kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời đối với các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình, chậm giao nộp thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành và vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết. Xử lý nghiêm các cá nhân trong đơn vị cố tình cản trở, gây khó khăn làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân dự án.

Tại Hội nghị, sau khi nghe báo cáo, đề xuất của các địa phương, lãnh đạo các Bộ, ngành đã phát biểu ý kiến về những khó khăn, vướng mắc liên quan đến áp dụng các quy định của pháp luật về đầu tư công; giải ngân vốn ODA; quản lý giá vật liệu xây dựng; phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công; sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật liên quan đến giải phóng mặt bằng, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;...

Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công

Kết luận Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái nêu rõ, dù có nhiều khó khăn vướng mắc nhưng các địa phương đã phối hợp với các Bộ, ngành triển khai các giải pháp và đã đạt kết quả bước đầu trong giải ngân đầu tư công.

Về giải ngân, 8 địa phương đã bố trí 100% vốn ngân sách trung ương giao; về phân bổ vốn ODA, TP. Cần Thơ còn hơn 600 tỷ đồng, tỉnh Vĩnh Long còn hơn 10 tỷ đồng chưa giao kế hoạch vốn. Cơ bản các tỉnh đã phân bổ chi tiết, còn một số dự án, Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị các địa phương rà soát, để phân bổ kịp tiến độ.

Tuy 8 tỉnh không đạt mức bình quân chung cả nước, nhưng kết quả giải ngân cũng có tăng lên so với cùng kỳ năm trước, đây cũng là dấu hiệu thể hiện sự chuyển biến theo hướng tích cực hơn, Phó Thủ tướng Chính phủ mong muốn thời gian tới các địa phương sẽ tiếp tục cố gắng, tháo gỡ khó khăn, triển khai các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công để bảo đảm tiến độ chung của cả nước.

Phó Thủ tướng Chính phủ lưu ý các địa phương phải hết sức quan tâm đến công tác chuẩn bị đầu tư, nhất là đảm bảo đầy đủ trình tự, thủ tục, phê duyệt dự án... linh hoạt, sáng tạo, theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, cần chủ động hơn nữa trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý giá cả vật liệu xây dựng; giải ngân vốn ODA;...

Phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, đôn đốc kịp thời, triển khai hiệu quả

Phó Thủ tướng Chính phủ đánh giá thời gian qua, các tỉnh đã có nhiều nỗ lực, sáng tạo trong giải ngân vốn đầu tư công, tuy nhiên việc tổ chức thực hiện cần sát sao hơn nữa, phân

công rõ người, rõ việc, rõ mục tiêu, tiến độ, gắn với kiểm tra, giám sát, đánh giá... để tổ chức triển khai công việc hiệu quả.

Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị cấp ủy, chính quyền địa phương, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhất là người đứng đầu phải sát sao hơn nữa với công việc, phải nắm rõ từng dự án, từng khó khăn, vướng mắc cụ thể để kịp thời tháo gỡ; cần thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các dự án để bảo đảm tiến độ theo đúng tinh thần "người thật, việc thật, hiệu quả thật", khen thưởng phân minh.

Phó Thủ tướng Chính phủ cũng cho ý kiến về đề xuất của các địa phương liên quan đến điều chỉnh vốn; sửa đổi bổ sung một số quy định của pháp luật;...

Đối với các đề xuất liên quan đến từng dự án cụ thể, Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị các địa phương phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để chủ động có giải pháp hiệu quả để khắc phục các vướng mắc, tồn tại; kịp thời báo cáo nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái nhấn mạnh: Trong quá trình tổ chức thực hiện, giải ngân phải đảm bảo công khai, minh bạch, vô tư, khách quan, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát để thực hiện theo đúng quy định.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ: TẬP HUẤN - TỌA ĐÀM

‘VAI TRÒ CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI VIỆC NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ’

Ngày 18/5, tại trụ sở Bộ, Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức buổi Tập huấn - Tọa đàm với chủ đề: “Vai trò của chuyển đổi số đối với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ”.

Phát biểu khai mạc Buổi Tập huấn - Tọa đàm, Thứ trưởng Trương Hải Long nhấn mạnh, chuyển đổi số là một nội dung lớn đã được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và đang được Đảng, Nhà nước, Chính phủ rất quan tâm. Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định thành lập Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban và tại các Bộ, ngành, địa phương cũng do người đứng đầu làm Trưởng ban. Có thể thấy, chuyển đổi là một chủ trương cũng như yêu cầu cấp thiết trên mọi phương diện.

Trong thời gian qua, tại Bộ Nội vụ, Ban Cán sự đảng Bộ, lãnh đạo Bộ đã ban hành nhiều văn bản như nghị quyết, kế hoạch hành động để triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ.

Thứ trưởng Trương Hải Long cho rằng, việc chuyển đổi số phụ thuộc rất lớn vào nhận thức của lãnh đạo, công chức, viên chức nhằm thay đổi phương thức, thói quen làm việc, do đó, để chuyển đổi số thành công cần sự chung sức, đồng lòng, thống nhất của cả đội ngũ, nhất là nhận thức của người đứng đầu.

Đặc biệt, Bộ Nội vụ là cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và công tác cải cách hành chính nên cần phải là cơ quan đi đầu trong công tác chuyển đổi số.

Buổi Tập huấn - Tọa đàm này được Bộ trưởng rất quan tâm, chỉ đạo sát sao nhằm triển khai có hiệu quả cao. Thứ trưởng Trương Hải Long đề nghị các đại biểu tham dự cần nghiêm túc, tập trung lắng nghe các chuyên gia chia sẻ những kiến thức về chuyển đổi số nói chung, cũng như những nội dung về chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ nói riêng. Đồng thời, tích cực trao đổi, chia sẻ những khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị để các chuyên gia hỗ trợ, tìm giải pháp hữu hiệu nhất nhằm thực hiện thành công việc chuyển đổi số trong thời gian tới tại Bộ Nội vụ.

Tại Buổi Tập huấn - Tọa đàm, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng cho biết, chuyển đổi số là sự chuyển đổi toàn bộ hoạt động từ môi trường thực lên môi trường số, thông qua những ứng dụng, phần mềm, nền tảng số. Chuyển đổi số làm thay đổi thói quen, chính vì thế, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư không chỉ là cách mạng về công nghệ, mà còn là cách mạng về thể chế và chính sách. Việt Nam sớm nhìn nhận cơ hội và chuyển hóa thành văn bản chỉ đạo của Đảng, chiến lược, chương trình, chính sách của Chính phủ. Chương trình chuyển đổi số quốc gia thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của hệ thống cơ quan nhà nước; phát triển kinh tế số, xã hội số.

Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng nhấn mạnh, chuyển đổi số thành công 80% là do nhận thức, thể chế, chính sách và 20% là do công nghệ. Chuyển đổi số cần cách tư duy mới và hành động mới, nhất là người đứng đầu.

Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng cũng cho rằng, “Thành công đến từ chia sẻ” - một vấn đề mới khó ở chỗ này, nhưng có thể đã được giải quyết ở một chỗ khác. Sự chia sẻ có thể tạo ra sức mạnh, là lời giải đột phá cho các vấn đề chuyển đổi số mà một Bộ, một ngành, một địa phương khác đang gặp phải. Mỗi tổ chức, cá nhân đóng góp, chia sẻ một câu chuyện thì sẽ có một kho lời giải về chuyển đổi số Việt Nam. Mỗi câu chuyện đều làm rõ các vấn đề, cách làm hiệu quả, các bước triển khai, kết quả đạt được và bài học rút ra để các Bộ, ngành, địa phương khác tham khảo.

Về hoạt động chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ, Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng cho rằng, Bộ Nội vụ cần xây dựng Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; triển khai các kênh số cung cấp thông tin về dịch vụ công trực tuyến; triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; triển khai nền tảng quản trị nội bộ tổng thể, thống nhất trong Bộ; triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; triển khai nền tảng dữ liệu số của ngành; tổ chức tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực chuyển đổi số...

Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng nhấn mạnh, khác biệt của chuyển đổi số chính là “nền tảng số”. Nền tảng số là hệ thống thông tin phục vụ các giao dịch điện tử trực tuyến hoạt động theo mô hình sử dụng công nghệ số. Nền tảng số là “hạ tầng mềm” của không gian số, giải quyết các bài toán cụ thể của chuyển đổi số.

Nguồn: moha.gov.vn

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI: ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

Bộ Giao thông vận tải vừa có văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ về tình hình triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số năm 2022

Theo Bộ Giao thông vận tải, thời gian qua các cơ quan, đơn vị đã chủ động thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định, như: xây dựng các hệ thống đổi mới phương thức, lề lối làm việc; cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý chuyên ngành.

Năm 2022 là năm quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025. Vì vậy, trong 8 tháng cuối năm, Bộ Giao thông vận tải yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiếp tục tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực để thực hiện Chương trình Chuyển đổi số Bộ Giao thông vận tải, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng Bộ Giao thông vận tải giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022.

"Xác định xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cần phải ưu tiên thực hiện nhằm hình thành các dữ liệu phục vụ công tác quản lý và cải cách hành chính. Trên cơ sở các chỉ đạo chung của Chính phủ và của Bộ, các cơ quan, đơn vị phải chủ động, tích cực hơn nữa trong triển khai các nhiệm vụ được giao, đặc biệt chủ động nguồn vốn đầu tư của đơn vị. Thường xuyên theo dõi, bám sát các chỉ đạo mới của Chính phủ và của Bộ để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện của đơn vị nhằm đáp ứng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu", Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo.

Bộ Giao thông vận tải cũng yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị gương mẫu trong sử dụng chữ ký số cá nhân để xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường mạng. Nghiêm túc ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xử lý văn bản và công việc trên môi trường mạng, bảo đảm 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng; đẩy mạnh hiệu quả sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong việc ký số, xác thực dữ liệu số hóa, xác thực đăng nhập trong các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị.

Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh đó Bộ Giao thông vận tải tiếp tục xây dựng và triển khai Hệ thống hội nghị truyền hình đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối theo hướng dẫn tại của Bộ Thông tin và

Truyền thông tại Văn bản số 2558/BTTTT-CBĐTƯ ngày 02/8/2019. Thời hạn hoàn thành: tháng 6/2022.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc bộ rà soát, đánh giá hiện trạng và phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin triển khai triển khai xây dựng Mạng truyền dẫn diện rộng (mạng WAN) của Bộ Giao thông vận tải, kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước. Chủ động xây dựng phương án và triển khai đáp ứng yêu cầu, tiến độ theo kế hoạch của Bộ Giao thông vận tải. Thời hạn hoàn thành: tháng 9/2022

Cùng với đó hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ 4 phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Thời hạn hoàn thành: phân loại, xác định và phê duyệt đề xuất cấp độ hệ thống thông tin trước tháng 12/2022; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành trước tháng 6/2023.

Nguồn: tapchigiaothong.vn

ĐỀ XUẤT GỠ THANH TOÁN BẢO HIỂM Y TẾ VỚI MÁY MỤN, MÁY ĐẶT TẠI CƠ SỞ Y TẾ

Để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm y tế, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đề xuất Bộ Y tế cho ý kiến tháo gỡ vướng mắc trong thanh toán bảo hiểm y tế với máy mượn, máy đặt tại các cơ sở y tế.

Theo đó, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cho biết, ngày 12/4/2018, Bộ Y tế có công văn số 2009/BYT-KH-TC đề nghị Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chỉ đạo tiếp tục thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng các máy do các đơn vị trúng thầu vật tư, hóa chất cho mượn hoặc đặt theo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu và hợp đồng đã ký.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế này, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có văn bản hướng dẫn thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế với các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng các máy mượn, máy đặt.

Tuy nhiên, ngày 09/5, Bộ Y tế có công văn số 2348/BYT-KH-TC về việc bãi bỏ công văn số 2009/BYT-KH-TC nêu trên. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Y tế, ngay sau đó, ngày 12/5 Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã ban hành Công văn số 1261/BHXH gửi bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng và Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân về việc dừng thanh toán theo chế độ bảo hiểm y tế đối với chi phí dịch vụ kỹ thuật từ máy mượn, máy đặt của các công ty trúng thầu vật tư hóa chất

Trước những kiến nghị của nhiều bệnh viện và Ủy ban nhân dân các địa phương, lãnh đạo Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cho biết hiện Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã có văn bản gửi Bộ Y tế, trong đó đề xuất cho ý kiến về việc thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của

các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng các máy do các công ty trúng thầu vật tư, hóa chất cho mượn hoặc đặt theo hợp đồng đã ký với cơ sở khám chữa bệnh.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đề nghị Bộ Y tế dẫn dắt kịp thời các đơn vị khẩn trương chuyển đổi từ hình thức mượn, đặt sang các hình thức quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ (cho, tặng; thuê; xác lập quyền sở hữu); đồng thời xác định lộ trình bắt buộc phải hoàn thành việc chuyển đổi hình thức nêu trên.

Lãnh đạo Bảo hiểm Xã hội Việt Nam khẳng định ngay sau khi Bộ Y tế có văn bản hướng dẫn mới về nội dung này, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam sẽ hướng dẫn Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện.

Trước đó, nhiều bệnh viện ở TP. Hồ Chí Minh đã có ý kiến về việc bãi bỏ công văn số 2009/BYT-KH-TC của Bộ Y tế gây thiệt thòi cho bệnh nhân bảo hiểm y tế. Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có văn bản khẩn đến Bộ Y tế, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam để báo cáo những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các công văn liên quan đến việc thanh toán chi phí kỹ thuật, xét nghiệm cho bệnh nhân.

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và các bệnh viện cho rằng nếu dừng thanh toán bảo hiểm y tế với chi phí dịch vụ kỹ thuật trên máy mượn, máy đặt ở các cơ sở y tế sẽ ảnh hưởng sức khỏe người dân, chất lượng điều trị và bảo hiểm y tế toàn dân.

Cũng trong sáng ngày 15/5, Bộ Y tế đã có thông báo cho biết việc thanh toán bảo hiểm y tế đối với máy đặt, máy mượn hiện nay đang được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 6807/BYT-KH-TC ngày 9/11/2018 của Bộ Y tế và không liên quan đến việc bãi bỏ công văn số 2009/BYT-KH-TC.

Nguồn: anninhthudo.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước.**

Theo đó, đối tượng áp dụng gồm: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (gọi là cơ quan, tổ chức). Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp vận dụng quy định của Thông tư này và các quy định của Đảng, của pháp luật có liên quan để áp dụng cho phù hợp.

Dự thảo đề xuất Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, áp dụng đối với các nhóm hồ sơ, tài liệu: Nhóm 1. Tài liệu tổng hợp; Nhóm 2. Tài liệu quy hoạch, kế hoạch, thông kê; Nhóm 3. Tài liệu tổ chức, nhân sự; Nhóm 4. Tài liệu lao động, tiền lương; Nhóm 5. Tài liệu tài chính, kế toán; Nhóm 6. Tài liệu xây dựng cơ bản; Nhóm 7. Tài liệu khoa học công nghệ; Nhóm 8. Tài liệu hợp tác quốc

tế; Nhóm 9. Tài liệu thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Nhóm 10. Tài liệu thi đua, khen thưởng; Nhóm 11. Tài liệu pháp chế; Nhóm 12. Tài liệu về hành chính, quản trị công sở; Nhóm 13. Tài liệu của tổ chức Đảng và các Đoàn thể cơ quan.

Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của chính quyền địa phương ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, áp dụng đối với các nhóm hồ sơ, tài liệu tại Phụ lục II như sau:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Nhóm 1. Bầu cử; Nhóm 2. Tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân; Nhóm 3. Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; Nhóm 4. Xây dựng chính quyền; Nhóm 5. Giám sát, tiếp công dân, tiếp xúc cử tri.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Nhóm 1. Nội vụ; Nhóm 2. An ninh, quốc phòng; Nhóm 3. Dân tộc; Nhóm 4. Tư pháp; Nhóm 5. Thanh tra; Nhóm 6. Kế hoạch và Đầu tư; Nhóm 7. Tài chính; Nhóm 8. Công thương; Nhóm 9. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nhóm 10. Giao thông vận tải; Nhóm 11. Xây dựng và quy hoạch, kiến trúc; Nhóm 12. Tài nguyên và Môi trường; Nhóm 13. Thông tin và Truyền thông; Nhóm 14. Lao động - Thương binh và Xã hội; Nhóm 15. Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nhóm 16. Khoa học và Công nghệ; Nhóm 17. Giáo dục và Đào tạo; Nhóm 18. Y tế; Nhóm 19. Ngoại vụ.

Sử dụng Bảng thời hạn bảo quản tài liệu phổ biến

Bảng thời hạn bảo quản tài liệu phổ biến được dùng để xác định thời hạn bảo quản cho các hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Khi xác định giá trị tài liệu phải đảm bảo các yêu cầu sau: a) Mức xác định thời hạn bảo quản cho mỗi hồ sơ hoàn chỉnh không được thấp hơn mức quy định tại Thông tư này. b) Khi lựa chọn tài liệu giao nộp vào Lưu trữ lịch sử, phải xem xét mức độ đầy đủ của khối (phông) tài liệu, đồng thời lưu ý đến những giai đoạn, thời điểm lịch sử để có thể nâng mức thời hạn bảo quản của tài liệu lên cao hơn so với mức quy định. c) Đối với hồ sơ, tài liệu đã hết thời hạn bảo quản, Hội đồng xác định giá trị tài liệu của cơ quan xem xét, đánh giá lại, nếu cần có thể kéo dài thêm thời hạn bảo quản.

Chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã căn cứ Phụ lục II Thông tư này để cụ thể hoá các nhóm hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động ở cấp mình, đồng thời quy định thời hạn bảo quản cho các nhóm hồ sơ, tài liệu tương ứng. Hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động chính quyền địa phương các cấp chưa được quy định tại Phụ lục II, áp dụng quy định theo Bảng thời hạn bảo quản tài liệu phổ biến tại Phụ lục I.

Trường hợp trong thực tế có những hồ sơ, tài liệu phổ biến chưa được quy định tại Bảng thời hạn bảo quản tài liệu trên đây, các cơ quan, tổ chức có thể vận dụng các mức thời hạn bảo quản của các nhóm hồ sơ, tài liệu tương ứng trong Bảng thời hạn bảo quản tài liệu để xác định.

*** Bộ Khoa học và Công nghệ đang lấy ý kiến Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định tổ chức quản lý Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.**

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 về việc phê duyệt Đề án "Thúc đẩy chuyển giao, làm

chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (Đề án 1851) nhằm định hướng chính sách hỗ trợ chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, đặc biệt là các công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ nền tảng.

Kết quả tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai Đề án 1851 cho thấy các đơn vị đã nỗ lực tổ chức triển khai thực hiện Đề án 1851 phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng Bộ, ngành và điều kiện phát triển của từng địa phương trên cả nước. Các nội dung triển khai đã tập trung chủ yếu vào 7 nhóm nhiệm vụ và giải pháp lớn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tạo ra các chuyển biến tích cực trong hoạt động chuyển giao, hấp thụ công nghệ nước ngoài, trong đó có các dự án FDI.

Ngoài các kết quả được ghi nhận, đa số các Bộ, ngành, địa phương vẫn gặp một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Đề án 1851 như: Chưa chủ động xây dựng các chính sách, cơ chế xác định nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp cũng như khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm và chuyển giao nguồn cung công nghệ nước ngoài phù hợp với Việt Nam; thiếu các chính sách cụ thể, phù hợp giúp nâng cao trình độ công nghệ và năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26/01/2022 bổ sung, sửa đổi Đề án 1851 dựa trên quan điểm nhất quán là kế thừa ưu điểm của chính sách đã có, đồng thời đề ra biện pháp khắc phục tốt nhất những hạn chế do thiếu mục tiêu cụ thể và giải pháp chưa hiệu quả, tính hành động thấp, đặc biệt là một số nội dung chưa được triển khai mạnh mẽ.

Nhằm hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả, đồng bộ các nội dung và đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Đề án 1851 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1851/QĐ-TTg và Quyết định số 138/QĐ-TTg, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Thông tư quy định tổ chức quản lý Đề án 1851.

Các nội dung quản lý, hướng dẫn triển khai Đề án 1851 được nghiên cứu, xây dựng với mục tiêu giúp Bộ, ngành, địa phương triển khai thuận tiện ở hoàn cảnh hiện nay, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng đơn vị, vùng, miền và khắc phục được những vướng mắc, tồn tại trong quá trình triển khai ở giai đoạn trước.

Dự thảo Thông tư tập trung vào việc quy định cụ thể các nội dung hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai Đề án 1851, trong đó xác định các loại hình nhiệm vụ trong dự thảo Thông tư để hướng dẫn Bộ, ngành, địa phương triển khai 7 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chính của Đề án 1851, chủ yếu thông qua thực hiện các đề tài, đề án khoa học, dự án, dự án đầu tư.

Mở rộng hình thức, phạm vi, đối tượng được đào tạo và nội dung đào tạo nâng cao năng lực về tìm kiếm, chuyển giao cho doanh nghiệp, là nhân tố đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động hấp thụ, làm chủ, phát triển công nghệ từ nước ngoài.

Xây dựng cơ sở dữ liệu hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, đáp ứng nhu cầu cung cấp các thông tin về nguồn cầu công nghệ

trong nước, nguồn cung công nghệ/chuyên gia công nghệ nước ngoài, các dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao công nghệ nước ngoài.

Quy định nội dung hỗ trợ đặc thù cho các hoạt động của Đề án 1851 nhằm giải quyết các hạn chế tồn tại trong quá trình triển khai Đề án 1851 ở giai đoạn cũ và đảm bảo bao quát đầy đủ hoạt động, nội dung của Đề án 1851.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định nội dung, mức chi và cơ chế khoán chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.**

Theo dự thảo, các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm: Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định; chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng; Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có); Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông; Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Dự thảo cũng nêu rõ một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đối với định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, dự thảo quy định: Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với Chủ tịch Hội đồng, tối đa 1.150.000 đồng; đối với Phó chủ tịch Hội đồng, thành viên hội đồng, mức chi tối đa 900.000 đồng; đối với Thư ký Hội đồng, mức chi tối đa 300.000 đồng...

Theo dự thảo, khoản chi thực hiện nhiệm vụ là giao quyền tự chủ tài chính cho tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ trong việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền giao khoán, gắn với trách nhiệm về các kết quả của nhiệm vụ được giao đúng mục tiêu, yêu cầu; đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

Nhiệm vụ được khoán chi theo một trong hai phương thức sau: a) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; b) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần.

Tiêu chí xác định khoán chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo 2 phương thức nêu trên thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

*** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang dự thảo Nghị định về công tác xã hội.**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, ở Việt Nam, tinh thần tương thân tương ái, "lá lành đùm lá rách" là nét văn hóa truyền thống tốt đẹp. Trong đó, nhiều hoạt động là cơ sở cho phát triển công tác xã hội như phòng ngừa, can thiệp - trị liệu, phát triển cộng đồng và vận động nguồn lực trợ giúp, hỗ trợ đối với người cao tuổi, trẻ em mồ côi, khuyết tật, những người gặp hoàn cảnh khó khăn do các cá nhân, tổ chức thực hiện như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Chữ thập đỏ... từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng.

Mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội đã được hình thành nhiều nhất ở ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, tiếp theo là ở các ngành Y tế, Giáo dục, các hội, đoàn thể chính trị - xã hội. Các tỉnh, thành phố từng bước tiếp tục phát triển các cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội đối với người già, người tâm thần, bảo vệ trẻ em, trợ giúp người khuyết tật phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trên cơ sở bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở.

Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, lĩnh vực công tác xã hội vẫn còn những khó khăn, tồn tại, hạn chế như: Đối tượng cần được can thiệp, trợ giúp của công tác xã hội ngày càng tăng, có thể là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hộ gia đình cần được trợ giúp đột xuất hàng năm, người nghiện ma túy, phụ nữ, trẻ em bị ngược đãi, bị buôn bán, bị xâm hại hoặc lang thang kiếm sống trên đường phố; xã đặc biệt khó khăn và có vấn đề xã hội (tệ nạn xã hội, cuộc sống nghèo khổ); các cá nhân, gia đình, nhóm xã hội có các vấn đề xã hội.

Tuy nhiên, các dịch vụ công tác xã hội chưa đa dạng, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội còn thiếu; năng lực cung cấp dịch vụ công tác xã hội và chăm sóc, trợ giúp các đối tượng của các cơ sở đạt hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu của đối tượng. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội còn mỏng, đa số được đào tạo từ ngành nghề khác hoặc một số ít thậm chí không được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, chưa dựa vào cộng đồng.

Cơ cấu các dịch vụ công tác xã hội có sự kết hợp của các cơ quan/đơn vị công lập và ngoài công lập chưa được xác định rõ ràng. Các dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp chưa được cung cấp cho người dân tại cộng đồng, làm giảm hiệu quả của các chính sách phúc lợi xã hội. Việc cung cấp dịch vụ xã hội chủ yếu là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước. Trong những giai đoạn đầu, công tác xã hội chuyên nghiệp chủ yếu cung cấp các dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực bảo trợ xã hội. Các dịch vụ công tác xã hội chuyên sâu đối với các cá nhân, nhóm đối tượng đặc thù bắt đầu phát triển, bao gồm chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, dịch vụ chăm sóc người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; trợ giúp các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các gia đình có nhu cầu, bảo trợ xã hội với người khuyết tật, người già, phụ nữ, trị liệu tâm lý xã hội, tham vấn, hỗ trợ mọi người trong cơn khủng hoảng, trợ giúp trong giải quyết các mối quan hệ.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, đến nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đã có trên 15 Bộ luật; 7 Pháp lệnh và hơn 50 Nghị định, Quyết định, Chỉ thị, thông tư và các văn bản chỉ đạo khác có nội dung quy định công tác xã hội là cơ sở, tiền đề cho việc thực hiện công tác xã hội ở Việt Nam... Các văn bản quy phạm pháp luật này đã tạo tiền đề pháp lý quan trọng để các Bộ, ngành, địa phương từng bước phát triển công tác xã hội chuyên nghiệp tại Việt Nam.

Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý phát triển công tác xã hội chưa được quy định ở cấp độ Nghị định một cách toàn diện, đầy đủ, đặc biệt là vai trò, nhiệm vụ của công chức, viên chức, nhân viên công tác xã hội; cấp chứng chỉ hành nghề; cấp, thu hồi, điều chỉnh giấy phép hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ công tác xã hội chưa được xác định cụ thể trong hệ thống văn bản pháp luật; chưa có

Nghị định quy định riêng về công tác xã hội làm cơ sở định hướng phát triển công tác xã hội trong các ngành, lĩnh vực hiện đang được điều chỉnh bởi các chuyên ngành.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất dự thảo Nghị định về Công tác xã hội gồm 56 điều. Bên cạnh những quy định chung, dự thảo đề xuất những quy định cụ thể về: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ công tác xã hội; người hành nghề công tác xã hội; quy trình và các điều kiện đảm bảo cung cấp dịch vụ công tác xã hội; thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước...

*** Bộ Công an đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối vào dự thảo Thông tư liên tịch giữa Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về quan hệ phối hợp thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.**

Dự thảo nêu rõ nguyên tắc phối hợp trong thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự là phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam; phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; bảo đảm tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, phải được thực hiện thường xuyên, nhanh chóng, kịp thời; bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác theo quy định của pháp luật và của mỗi Bộ, ngành.

Hình thức phối hợp gồm có trao đổi trực tiếp và trao đổi gián tiếp. Trong đó, trao đổi trực tiếp là tổ chức họp, tổ chức đoàn công tác, thành lập tổ công tác liên ngành và các hình thức phối hợp trực tiếp khác. Trao đổi gián tiếp là họp trực tuyến, trao đổi, cung cấp thông tin thông qua văn bản, phương tiện liên lạc điện tử và các hình thức phối hợp gián tiếp khác.

Dự thảo đề xuất áp dụng nguyên tắc có đi có lại, trong đó quy định cụ thể việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và áp dụng nguyên tắc có đi có lại theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Việc xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù với nước ngoài dựa trên các căn cứ sau: Sự cần thiết, nhu cầu của Việt Nam đối với việc tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong từng trường hợp cụ thể hoặc trong quan hệ chung với nước có liên quan. Không trái pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với pháp luật, tập quán quốc tế. Sự phù hợp về yêu cầu đối ngoại, tác động chính trị, kinh tế, xã hội và những tác động khác, nếu có. Sự ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Nhà nước, cá nhân, pháp nhân Việt Nam có liên quan.

*** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.**

Tại dự thảo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất nâng mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh cho phù hợp với kinh phí để khôi phục sản xuất hiện nay (1,25 - 2 lần hiện tại); phân theo giai đoạn sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi để có mức hỗ trợ phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, mức hỗ trợ quy định từ năm 2017, trong khi giá thị trường hiện nay đã biến đổi rất nhiều, do vậy mức hỗ trợ trong nghị định là thấp và không phù hợp với thời điểm hiện tại. Nhiều loại cây trồng, vật nuôi, hình thức nuôi chưa được quy định trong Nghị định dẫn đến khó khăn trong công tác hỗ trợ khôi phục sản xuất.

Mức hỗ trợ với dịch bệnh là cố định trong khi giá thị trường luôn biến động gây khó khăn khi xảy ra dịch do nếu mức hỗ trợ cao hơn so với giá thị trường có thể xuất hiện tình trạng người chăn nuôi không thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch làm dịch bệnh lây lan để nhận hỗ trợ; nếu mức hỗ trợ quá thấp so với giá thị trường có thể xảy ra tình trạng giấu dịch, bán chạy gia súc, gia cầm bệnh làm lây lan dịch.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất nâng mức hỗ trợ lên 1,25 - 2 lần hiện tại. Cụ thể như sau:

Hỗ trợ đối với cây lúa: Diện tích lúa thuần: Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha. Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha. Sau gieo cấy trên 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

Diện tích lúa lai: Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha. Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.500.000 đồng/ha. Sau gieo trồng trên 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 9.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 4.500.000 đồng/ha. Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

Cây hàng năm khác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

Đối với cây trồng lâu năm, vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha. Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh, vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha. Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

Hỗ trợ đối với cây trồng lâm nghiệp được đề xuất như sau: Diện tích cây rừng chưa đến tuổi khai thác, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha. Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha.

Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản: Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 7.000.000 - 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 4.000.000 - 6.000.000 đồng/ha. Diện tích nuôi cá truyền

thông, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 18.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 5.000.000 - 10.000.000 đồng/ha. Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 15.000.000 - 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 15.000.000 đồng/ha.

Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 40.000.000 - 50.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 20.000.000 - 30.000.000 đồng/ha. Diện tích nuôi nhuyễn thể bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 50.000.000 - 65.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 40.000.000 - 45.000.000 đồng/ha...

Hỗ trợ đối với sản xuất muối: Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% hỗ trợ 3.000.000 đồng /ha; thiệt hại từ 30% - 70% hỗ trợ 2.500.000 đồng/ha.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Nghị định này được xem xét hỗ trợ thông qua cơ chế, chính sách về thuế và các chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định.

*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu để ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu.**

Dự thảo Thông tư nêu rõ, di sản tư liệu là tài sản trí tuệ đối với một cộng đồng, một nền văn hóa, một quốc gia, khu vực hoặc thế giới; được lưu lại có chủ đích trên một vật mang tin có thể bảo quản và di chuyển/chia sẻ được; có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học và các lĩnh vực khác; được cơ quan, tổ chức hay cá nhân lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị.

Đối tượng kiểm kê là di sản tư liệu đang tồn tại, bao gồm các loại hình: a) Tài liệu văn bản; b) Tài liệu phi văn bản; c) Tài liệu số; d) Bản sao hợp pháp (đối với tài liệu gốc có giá trị đã biến mất vĩnh viễn). Ưu tiên kiểm kê di sản tư liệu đang bị hủy hoại và có nguy cơ biến mất vĩnh viễn.

Gửi Phiếu điều tra đến văn phòng các Bộ, ban ngành, cơ quan quản lý và lưu trữ, các tổ chức liên quan yêu cầu báo cáo tình hình tư liệu, tài liệu quý hiếm hiện đang quản lý trong các Trung tâm lưu trữ, thư viện, bảo tàng và gia đình dòng họ trên địa bàn.

Khảo sát điền dã, ghi chép, phỏng vấn, ghi âm, chụp ảnh, quay phim, khuyến khích số hóa để thu thập thông tin và tư liệu hóa di sản tư liệu.

Phân tích, đối chiếu, so sánh, đánh giá, tổng hợp các tư liệu về di sản tư liệu.

Theo dự thảo, di sản tư liệu được lập hồ sơ khoa học để ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu phải có đủ các tiêu chí sau đây: 1. Có tính đại diện, thông tin chứa đựng giá trị tiêu biểu, thể hiện bản sắc và có ý nghĩa đối với cộng đồng, địa phương, quốc gia, khu vực, thế giới. 2. Thể hiện tính xác thực. 3. Tính toàn vẹn. 4. Phương thức và mức độ tiếp cận. 5. Được cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân sở hữu di sản, tự nguyện đề cử và cam kết bảo vệ.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: CHÍNH THỨC CẤP HỘ CHIẾU PHỔ THÔNG KHÔNG GẮN CHIP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Bắt đầu từ ngày 15/5, Công an TP. Hà Nội chính thức triển khai thủ tục 'cấp hộ chiếu phổ thông không gắn chip điện tử ở trong nước' cho công dân Việt Nam trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Tại 2 địa chỉ của Cổng dịch vụ công quốc gia: <http://dichvucong.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an: <http://dichvucong.bocongan.gov.vn>, người dân có thể đăng nhập thực hiện các bước để nộp hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông không gắn chip điện tử ở trong nước.

Đây là một trong các danh mục thủ tục hành chính đạt dịch vụ công mức độ 4. Đối tượng áp dụng thực hiện thủ tục hành chính này là công dân Việt Nam ở trong nước có căn cước công dân gắn chip điện tử, có tài khoản hợp lệ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, có khả năng thanh toán lệ phí trực tuyến qua hệ thống thanh toán điện tử của Chính phủ.

Khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, người dân sẽ giảm thiểu số lần đi lại, thời gian chờ đợi nộp hồ sơ, nhận kết quả, do các giao dịch giờ đây đã được thực hiện trên môi trường điện tử. Qua các phương tiện kết nối Internet (máy tính, điện thoại Smart phone, máy tính bảng...) người dân có thể chủ động thực hiện giao dịch vào bất kỳ thời gian nào trong ngày, tại bất kỳ nơi đâu có Internet.

Ngoài ra, việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, hồ sơ được số hóa sẽ giảm áp lực giấy tờ lên cơ quan Nhà nước, giảm thiểu việc tiếp xúc trực tiếp với cán bộ, phòng tránh và hạn chế được tiêu cực, phiền hà, đồng thời tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính.

Trong thời gian đầu triển khai, bên cạnh việc tổ chức tiếp nhận hồ sơ cấp hộ chiếu ở dịch vụ công mức độ 3 như hiện nay, Công an TP. Hà Nội tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích người dân thực hiện mức độ 4 ngay tại trụ sở Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, 44 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội, đảm bảo tiến độ và trả kết quả tận nhà người dân.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến là nội dung quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, kinh tế số, xã hội số.

Nguồn: anninhthudo.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: CHỈ THỊ VỀ VIỆC THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

Qua một năm triển khai thực hiện Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình cải

cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn thành phố giai đoạn 2020 - 2025.

Bên cạnh những mặt đạt được, công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố trong thời gian qua vẫn tồn tại một số bất cập, hạn chế: công tác ban hành, rà soát và theo dõi thi hành văn bản quy phạm còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu công tác; công tác tiếp nhận, xử lý và trả kết quả thủ tục hành chính còn hạn chế, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn ngày được cải thiện, tuy nhiên tính trên tổng số hồ sơ trễ hạn thì số lượng hồ sơ giải quyết trễ hạn vẫn còn khá lớn, việc thực hiện cơ chế giám sát giải quyết thủ tục hành chính chưa hiệu quả, còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm; công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội còn chậm, chưa hiệu quả và đồng bộ; bộ máy cơ quan hành chính nhà nước chưa được tinh gọn kịp thời; một số ít số lượng cán bộ, công chức, viên chức chưa thật sự chuyên nghiệp trong phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Để tiếp tục chỉ đạo, triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh trong thời gian tới; tạo ra được bước đột phá mạnh mẽ và vượt trội trong công tác cải cách hành chính, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số góp phần quan trọng để đạt được mục tiêu đến năm 2025, TP. Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh, thành phố dịch vụ công nghiệp theo hướng hiện đại, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế, động lực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm phía nam và cả nước; đi đầu trong đổi mới sáng tạo, có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình, ngày 12/5/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND về việc thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố giai đoạn 2022 - 2025 với một số nội dung chính như sau:

Đối với thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện, tập trung các giải pháp cải cách hành chính để nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của cơ quan, đơn vị.

Huy động mọi nguồn lực của xã hội để phục vụ cho công tác cải cách hành chính, trong đó tập trung xây dựng và phát huy nguồn lực tham gia phát triển khoa học và công nghệ đáp ứng quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh của thành phố; thống nhất quan điểm đầu tư cho cải cách hành chính là đầu tư cho sự phát triển với phương châm là “đã nói phải làm”, giải quyết dứt điểm, chất lượng, đúng tiến độ, lấy sản phẩm, hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020 - 2025; giai đoạn 2021 - 2030; đảm bảo hoàn thành 100% các chỉ tiêu theo đúng tiến độ đề ra.

Người đứng đầu phải thể hiện vai trò nêu gương trong chấp hành thực hiện cải cách hành chính; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện cải cách hành chính, chỉ số cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị gắn với công tác đánh giá, xếp loại hằng năm.

Tiếp tục quyết tâm trong sắp xếp bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập có trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu

quả. Ủy ban nhân dân quận, huyện, TP. Thủ Đức và các sở, ngành có liên quan định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả triển khai thực hiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại TP. Hồ Chí Minh.

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát; thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị. Tham mưu, đề xuất các sáng kiến, giải pháp mới để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố; chủ động nghiên cứu, áp dụng nhân rộng mô hình, giải pháp về công tác cải cách hành chính.

Đồng thời, tập trung các giải pháp cải cách hành chính để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nghiêm túc tổ chức đối thoại và thiết lập phương thức số giao tiếp giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp nhằm trực tiếp lắng nghe và tiếp thu nghiêm túc để sửa đổi, bổ sung kịp thời. Chủ động và duy trì thường xuyên công tác thông tin, tuyên truyền đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp tầm quan trọng của việc thực hiện cải cách hành chính.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thường xuyên kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành; kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

Thường xuyên rà soát đơn giản hóa, kiểm soát thủ tục hành chính đúng theo quy định. Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số để chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ. Tập trung kiện toàn ngay Bộ phận Một cửa các cấp theo quy định.

Đề cao trách nhiệm và sự chủ động của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong công tác phối hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp.

Đối với thủ tục hành chính: thời hạn cho ý kiến, xử lý, giải quyết theo quy định của thủ tục hành chính, quy trình nội bộ thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh phê duyệt.

Đối với các vụ việc không phải là thủ tục hành chính: Đối với cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì: chủ động lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan theo đúng phạm vi, chức năng tham mưu quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị phối hợp; đảm bảo hồ sơ trình Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh phải có chính kiến của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và ý kiến của cơ quan đơn vị phối hợp; báo cáo việc tiếp thu hoặc giải trình lý do không tiếp thu trong nội dung trình Ủy ban nhân dân thành phố. Khi lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan.

Đối với cơ quan, đơn vị phối hợp: cơ quan, đơn vị phối hợp phải chủ động nghiên cứu, có ý kiến gửi cơ quan chủ trì; đảm bảo thời hạn trả lời được nêu trong văn bản đề nghị, nếu văn bản đề nghị không quy định thời hạn thì thực hiện trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ có liên quan; thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và tích hợp, vận hành, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu dùng để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì tiếp tục rà soát, cập nhật những thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, ban hành. Theo dõi, kiểm soát, kiểm tra tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cấp trên địa bàn Thành phố qua Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử thành phố theo quy định.

Sở Nội vụ, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính kịp thời, hiệu quả. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, khảo sát định kỳ, đột xuất và theo chuyên đề.

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng kết quả Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, TP. Thủ Đức phù hợp với thực tiễn.

Phát động các phong trào thi đua chủ đề về cải cách hành chính. Phối hợp với sở, ban, ngành phụ trách lĩnh vực và thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính thành phố lựa chọn ít nhất 20 mô hình, sáng kiến về cải cách hành chính xuất sắc tiêu biểu để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố công nhận và triển khai áp dụng nhân rộng trên địa bàn thành phố hằng năm.

Tham mưu triển khai “Đề án nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác cải cách hành chính ở các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2025” sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Trúc Anh, Sở Nội vụ TP. Hồ Chí Minh

QUẢNG NINH: KHẮC PHỤC TỒN TẠI TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ninh luôn quan tâm, chú trọng thực hiện công tác cải cách hành chính nhằm tạo thuận lợi thu hút đầu tư vào địa bàn. Đặc biệt, để nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công, việc cải cách thủ tục hành chính được tỉnh thực hiện một cách quyết liệt với nhiều cách làm sáng tạo, mang lại hiệu quả rõ rệt.

Một trong những cách làm mang lại đột phá trong công tác cải cách hành chính, tỉnh đã áp dụng hiệu quả mô hình “5 tại chỗ” tại Trung tâm hành chính công các cấp, đó là tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu tại chỗ và trả kết quả. Từ đó, đã góp phần rút ngắn từ 40% - 60% thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính so với quy định, giảm chi phí đi lại cho người dân doanh nghiệp. Cách này giảm tiếp xúc trực tiếp, ngăn chặn sự nhũng nhiễu, phiền hà, tiêu cực, tạo sự minh bạch, tăng động lực phát triển. Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy trình, quy định. Các Trung tâm hành chính công, Bộ phận

tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã đều thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính, các loại phí, bảng giá thu phí bằng nhiều hình thức...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại một số Trung tâm hành chính công và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã vẫn còn một số hạn chế cần sớm được khắc phục. Điều này, đã được làm rõ hơn thông qua công tác giám sát thường xuyên, đột xuất, không báo trước tại Trung tâm hành chính công các cấp, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã của Đoàn giám sát Ban Dân vận Tỉnh ủy thực hiện trong tháng 3 vừa qua, tại các địa phương: Đông Triều, Uông Bí, Đầm Hà và Hải Hà.

Bất cập đầu tiên là việc bố trí cán bộ phụ trách, làm việc tại Trung tâm hành chính công và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã ở những địa phương này chưa đảm bảo theo yêu cầu Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 11/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính. Tại thời điểm giám sát, 4 địa phương còn có lĩnh vực bố trí công chức là chuyên viên để trực, giải quyết thủ tục hành chính. Trong khi, theo Chỉ thị số 09/CT-UBND, cán bộ làm việc tại Trung tâm hành chính công phải có kinh nghiệm công tác, có khả năng giao tiếp tốt; có chức vụ từ phó trưởng phòng hoặc tương đương trở lên, có đủ thẩm quyền trực giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác nhau của cơ quan, đơn vị ngay tại Trung tâm.

Việc phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, phụ trách Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã chưa được triển khai theo đúng quy định khi xã Dục Yên (huyện Đầm Hà), xã Hồng Thái Đông (TX. Đông Triều), thị trấn Quảng Hà (huyện Hải Hà) còn phân công đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phụ trách.

Điều đáng nói là trong khi tỉnh đang đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến để phát huy hiệu quả mô hình chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh, vẫn còn một số cán bộ, công chức làm việc ở Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã chưa hiểu sâu sắc về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để hướng dẫn người dân thực hiện; năng lực sử dụng công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế trong kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin giải quyết thủ tục hành chính và chưa nắm chắc quy trình để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Điều này, khiến cho việc cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công mức độ 3, 4 của các địa phương còn thấp, không đảm bảo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chuyển đổi số toàn diện.

Điển hình như tại huyện Đầm Hà, tỷ lệ giải quyết tại thủ tục hành chính huyện là 35,8%, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị trấn Đầm Hà mới đạt 11% và ở xã Dục Yên mới đạt 16,3%. Còn tại Trung tâm hành chính công TX. Đông Triều cũng mới đạt 44,5%. Riêng TP. Uông Bí và huyện Hải Hà, tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 lên tới trên 90%, nhưng theo Đoàn giám sát, tỷ lệ này chưa phản ánh thực chất khi vẫn còn tình trạng cán bộ làm hộ người dân hoặc sau khi đã giải quyết trực tiếp cho người dân xong, cán bộ lại đưa thủ tục lên giải quyết trên môi trường mạng để đảm bảo chỉ tiêu đã giao; việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân qua phiếu mẫu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại một số phường vẫn còn nặng về tính hình thức...

Tình trạng trễ hẹn, quá hạn trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp cũng là một bất cập lớn của những địa phương trong thời gian qua. Đến thời điểm giám sát cho thấy vẫn còn gần 450 hồ sơ quá hạn ở từng giai đoạn liên quan đến lĩnh vực đất đai. Trong đó, Trung tâm hành chính công TX. Đông Triều có lượng hồ sơ quá hạn lớn nhất, lên tới 330 hồ sơ; Trung tâm hành chính công huyện Đầm Hà là 106 hồ sơ. Điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi, gây phiền hà cho người dân và làm giảm mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Trước những bất cập nói trên, Đoàn Giám sát cũng đã có kiến nghị, đề xuất yêu cầu các địa phương phải tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động của Trung tâm hành chính công cũng như Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã. Các địa phương phải tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; có giải pháp tuyên truyền, hỗ trợ tích cực và thực chất hơn nữa cho người dân trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Riêng với giải quyết các hồ sơ quá hạn, để mang đến sự hài lòng nhất cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt tăng và duy trì các chỉ số phát triển ở lĩnh vực cải cách hành chính cho tỉnh, ngoài sự nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ của mỗi cán bộ, công chức, viên chức thì các địa phương cần tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính, giám sát, đốc thúc cán bộ, rà soát những hồ sơ khó để có hướng giải quyết, tránh để hồ sơ tồn đọng, chậm hạn cho người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: baoquangninh.com.vn

KHÁNH HÒA: THỨC ĐẨY NHANH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thực hiện nhiệm vụ phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của tỉnh Khánh Hòa năm 2022, các sở, ngành, địa phương đang nỗ lực triển khai những nội dung liên quan để hoạt động chuyển đổi số đạt kết quả tích cực.

Nhiều đơn vị khẩn trương triển khai

Nhiệm vụ chuyển đổi số của các sở, ngành, địa phương của tỉnh trong năm 2022 tập trung vào những nhóm công việc: Lập đề án công nghệ thông tin; xây dựng các dự án công nghệ thông tin; thực hiện các nhiệm vụ về công nghệ thông tin. Trong đó, các ngành ưu tiên chuyển đổi số như: Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo... tiến hành khảo sát, lập và trình phê duyệt đề án chuyển đổi số ngành; còn các địa phương: Nha Trang, Cam Ranh, Ninh Hòa, Cam Lâm tổ chức khảo sát, lập và trình phê duyệt đề án xây dựng địa phương theo mô hình đô thị thông minh.

Tại phiên họp lần thứ nhất Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh mới đây, Giám đốc Sở Y tế Bùi Xuân Minh cho biết, thời gian qua, ngành đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế tại các trung tâm y tế tuyến huyện, bệnh viện tuyến tỉnh; kết nối với các cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn tỉnh để kiểm soát việc kê

đơn thuốc và bán thuốc theo đơn. Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, thời gian tới, ngành Y tế sẽ tập trung phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa, nền tảng kết nối mạng lưới các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, ngành sẽ triển khai bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử để hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh và quản trị y tế thông minh dựa trên các công nghệ số. Cùng với đó, ngành cố gắng hoàn thiện hành lang pháp lý để tạo điều kiện khám, chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân.

Theo Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Võ Hoàn Hải, trong năm nay, ngành sẽ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành giáo dục và đào tạo để thu thập, tích hợp, chia sẻ, liên thông, lưu trữ, thống kê dữ liệu..., trong đó có kết nối với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cùng với đó, ngành tập trung xây dựng trung tâm điều hành về giáo dục và đào tạo của tỉnh nhằm hỗ trợ công tác quản lý giáo dục và tự động hóa công tác báo cáo về quản lý giáo dục; tạo giao thức kết nối, tích hợp cho phép các ứng dụng quản lý giáo dục tích hợp với trung tâm điều hành giáo dục.

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Phạm Duy Lộc cho biết, với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, năm nay, bên cạnh tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ được chuyển tiếp từ năm 2021, sở còn thực hiện 9 nhiệm vụ mới như: Triển khai hệ thống ngăn chặn tấn công có chủ đích cho hệ thống thông tin tại Trung tâm Dữ liệu tỉnh; đầu tư bổ sung hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành các hệ thống phần mềm dùng chung tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; mua sắm bản quyền phần mềm quét lỗ hổng bảo mật ứng dụng web, phần mềm sao lưu dữ liệu. Đồng thời, xây dựng bộ phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ việc số hóa; đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ số hóa, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; nâng cấp hạ tầng vận hành Cổng Thông tin điện tử tỉnh...

Đẩy nhanh tiến độ lập đề án chuyển đổi số

Ngày 12/5, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có thông báo kết luận của Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Tấn Tuân, Trưởng ban Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh tại phiên họp lần thứ nhất. Theo đó, ông yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông sớm hoàn thiện các dự thảo kế hoạch để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành; đồng ý, cho sở thành lập Tổ hỗ trợ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa để huy động nguồn nhân lực công nghệ thông tin triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh. Đối với các ngành: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường... và các địa phương được giao nhiệm vụ xây dựng đô thị thông minh cần tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ lập đề án chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 của ngành, địa phương để sớm trình Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện. Sở Du lịch cần chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành, cơ quan liên quan triển khai thực hiện nền tảng quản trị và kinh doanh dịch vụ du lịch.

Ông Nguyễn Tấn Tuân cũng yêu cầu, trong thời gian tới, các ngành, địa phương khi tổ chức triển khai những nhiệm vụ, dự án mới, cần nghiên cứu, đưa vào ứng dụng các giải pháp công nghệ mới, phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành, góp phần nâng cao hiệu suất, hiệu quả dự án, công trình đầu tư. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các

cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án đầu tư trụ sở khi tham mưu triển khai nhiệm vụ xây dựng Trung tâm Giám sát điều hành thông minh tỉnh. Tỉnh dành kinh phí từ 1 đến 1,5% tổng chi ngân sách tỉnh cho hoạt động chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ĐỒNG NAI: TP. BIÊN HÒA TRIỂN KHAI MÔ HÌNH 4 TRONG 1

TP. Biên Hòa là địa phương đầu tiên của tỉnh Đồng Nai xây dựng mô hình trung tâm hành chính tập trung 4 trong 1, đó là: tiếp nhận, thẩm định, xử lý và trả kết quả tại một địa điểm.

Với mô hình này, việc giải quyết hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp sẽ thuận lợi và nhanh chóng hơn.

Tạo sự khác biệt

Theo lãnh đạo Ủy ban nhân dân TP. Biên Hòa, thay vì thành lập bộ phận một cửa tiếp nhận và trả kết quả tách biệt với Ủy ban nhân dân và các phòng, ban như các địa phương đang áp dụng hiện nay, TP. Biên Hòa đã quyết định bố trí nơi làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố cùng 15 phòng, ban và trung tâm về một địa điểm là tòa nhà Trung tâm Hành chính của thành phố tại địa chỉ mới số 225, đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất. Hiện nay, mỗi ngày có khoảng 1 ngàn người đến giao dịch giải quyết thủ tục hành chính nhưng không gặp áp lực về số lượng người quá đông hay không gian chật hẹp như trước.

Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân TP. Biên Hòa Kiều Công Đức cho biết, trước đây chỗ làm việc của bộ phận một cửa thành phố chỉ rộng hơn 1 ngàn m², nhưng lại là nơi tiếp nhận thủ tục hành chính của 15 phòng, ban và trung tâm của thành phố, vì vậy lúc nào bộ phận một cửa cũng quá tải, người dân thường xuyên phàn nàn dù cán bộ trực luôn nỗ lực hết mình. Do bộ phận một cửa nằm tách biệt với các phòng, ban, trung tâm và Ủy ban nhân dân thành phố nên sau khi tiếp nhận hồ sơ lại mất thêm khâu chuyển về các phòng, ban, trung tâm và Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định xử lý, sau đó lại vòng ngược hồ sơ lại bộ phận một cửa trả kết quả, vì vậy rất mất thời gian.

Tuy nhiên, với mô hình mới, Ủy ban nhân dân - Hội đồng nhân dân và các phòng, ban, trung tâm đều ở chung tòa nhà trung tâm hành chính tập trung quy mô trên diện tích 10 ngàn m², diện tích sàn xây dựng gồm 2 tầng hầm và 9 tầng lầu lên đến 44 ngàn m² thì những khó khăn, bất tiện đã được giải quyết. Hồ sơ của các phòng, ban, trung tâm sau khi được tiếp nhận sẽ được xử lý ngay tại chỗ, từ khâu tiếp nhận, thẩm định, xử lý và trả kết quả cho người dân. Thậm chí, với những hồ sơ cần gấp, cán bộ có thể ưu tiên xử lý ngay chỉ trong một buổi. Đặc biệt, từ tháng 2 cho đến nay, tại tòa nhà Trung tâm Hành chính TP. Biên Hòa đã ưu tiên xử lý cấp thẻ căn cước công dân từ 7 - 22 giờ.

Vì người dân và doanh nghiệp

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Biên Hòa Huỳnh Tấn Lộc cho biết, tòa nhà hành chính tập trung của thành phố được đầu tư xây dựng khang trang, hiện đại. Tầng 1 được ưu tiên bố trí bộ phận một cửa tiếp dân đến giải quyết thủ tục hành chính, tầng 2 là nơi làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân TP. Biên Hòa. Từ tầng 3 đến tầng 9 là nơi làm việc cho 15 phòng, ban và trung tâm. Mỗi tầng đều có hội trường phục vụ hội họp. Với điều kiện làm việc như hiện nay, nếu cần tập trung một cuộc họp trong giờ hành chính có đủ các phòng, ban của thành phố dự thì chỉ cần chưa tới 5 phút; hoặc trao đổi công việc giữa các phòng, ban và trung tâm với lãnh đạo chủ chốt của thành phố cũng rất thuận lợi.

Chị Vũ Thị Thanh Hoa (ngụ phường Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa) cho biết: “Tôi hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nhà đất nên thường xuyên phải đến bộ phận một cửa của thành phố giao dịch giấy tờ. Từ tháng 2 đến nay, khi bộ phận một cửa chuyển về tòa nhà hành chính tập trung tôi cảm thấy rất hài lòng về không gian làm việc và thời gian phục vụ. So với nơi làm việc cũ đã được khắc phục rất tốt từ nơi gửi xe, không gian tiếp nhận hồ sơ thoáng mát, thiết bị phục vụ truy cập thông tin, bàn ngồi điền hồ sơ và thời gian tiếp nhận hồ sơ khá nhanh chóng”.

Theo lãnh đạo TP. Biên Hòa, với điều kiện làm việc mới rất thuận lợi về địa điểm, cơ sở vật chất, công nghệ hiện đại, tới đây thành phố sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Thành phố sẽ tập trung bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong điều hành, quản lý và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Một trong những ưu tiên hàng đầu là chuyển đổi các thủ tục từ mức độ 1 - 2 lên mức độ 3 - 4 để người dân không cần đến cơ quan nhà nước mà vẫn có thể giải quyết được thủ tục mình muốn.

Nguồn: baodongnai.com.vn

TP. VŨNG TÀU: CHÚ TRỌNG NÂNG CAO TỶ LỆ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐÚNG HẸN CHO NGƯỜI DÂN

Ngày 16/5, Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở TP. Vũng Tàu (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với công tác cải cách hành chính tại phường 1, phường 2.

Tại phường 1, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong cải cách hành chính được chú trọng thực hiện bằng nhiều việc như: Triển khai nhiều mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, nâng cao công tác cải cách hành chính; lấy ý kiến đánh giá của người dân về thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa; chủ động rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho người dân; hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt tỉ lệ cao. Kết quả nổi bật là năm 2021, phường 1 dẫn đầu toàn thành phố về Chỉ số cải cách hành chính, xếp thứ 2 toàn tỉnh.

Tại phường 2, Ủy ban nhân dân phường cắt giảm 55/157 thủ tục hành chính, đạt 35,03% nhằm tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân; 100% văn bản thực hiện chữ ký số; số liệu về trao đổi văn bản điện tử; phần mềm một cửa; 100% cán bộ công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc của cơ quan.

Phường 2 cũng triển khai mô hình hay, hiệu quả trong cải cách hành chính như: “Thực hiện thủ tục hành chính chứng thực chữ ký tại nhà đối với cá nhân không có khả năng đi lại được”; mô hình “Thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua tin nhắn hoặc gọi điện cho tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính nhiều ngày nhưng kết quả được giải quyết sớm hơn”...

Phát biểu tại buổi kiểm tra, Trưởng Ban Dân vận Thành ủy Vũng Tàu Lê Xuân Tú, Trưởng Đoàn kiểm tra đánh giá cao lãnh đạo phường 1, phường 2 đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở để nâng cao chất lượng cải cách hành chính. Ông Lê Xuân Tú đề nghị phường 1, phường 2 sáng tạo thêm nhiều mô hình hay trong cải cách hành chính, trong đó, chú trọng đến việc nâng cao tỉ lệ giải quyết hồ sơ đúng hẹn cho người dân; nâng cao sự hài lòng của người dân đối với cán bộ, công chức.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

SÓC TRĂNG: TẠO LẬP MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH THÔNG THOÁNG

Các cấp chính quyền tỉnh Sóc Trăng đã và đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Bước tiến dài trong thu hút đầu tư

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Sóc Trăng (1992 - 2022), Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng Trần Văn Lâu cho biết, sau 30 năm tái lập, tỉnh đã có những bước phát triển vượt bậc, kinh tế liên tục tăng trưởng và cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt trên 13%. Quy mô kinh tế của tỉnh năm 2021 tăng 38 lần và thu nhập bình quân đầu người tăng 35 lần so với năm 1992.

Có thể nói, trong sự phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng có đóng góp quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước hoạt động trên địa bàn tỉnh. Theo ông Trần Văn Lâu, trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2021, tỉnh Sóc Trăng đã tiếp xúc, gặp gỡ và cung cấp thông tin, giới thiệu cơ hội đầu tư hơn 1.000 lượt doanh nghiệp, nhà đầu tư. Qua đó, đã chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 310 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 100.696,9 tỷ đồng.

Tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Sóc Trăng năm 2022 diễn ra cuối tháng 4 vừa qua, với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, đại diện lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tỉnh Sóc Trăng đã trao quyết định chủ

trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 4 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 12.000 tỷ đồng.

Bên cạnh đó là 18 bản ghi nhớ về khảo sát, nghiên cứu đề xuất dự án đầu tư được tỉnh ký với 19 tập đoàn lớn trong nước và nước ngoài, với tổng vốn cam kết khoảng 200.000 tỷ đồng.

Điểm nhấn quan trọng trong thu hút đầu tư của Sóc Trăng là vào năm 2018, tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư và Phát động khởi nghiệp, với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, các tổ chức và doanh nghiệp trong, ngoài nước. Tại hội nghị này, tỉnh đã trao quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và ký biên bản ghi nhớ 25 dự án với tổng vốn 40.315 tỷ đồng. Đến nay, có 7 dự án đã đi vào hoạt động với số vốn đầu tư 2.870 tỷ đồng, 4 dự án đang triển khai xây dựng với số vốn 3.230 tỷ đồng, 2 dự án đã thực hiện thủ tục đấu giá, các dự án khác đang thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định.

Từ sau Hội nghị, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục đón tiếp, làm việc với hơn 500 lượt nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội hợp tác, nghiên cứu đầu tư, qua đó đã thu hút được 101 dự án với tổng vốn đầu tư hơn 67.500 tỷ đồng.

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các dự án đầu tư tại tỉnh Sóc Trăng là lĩnh vực công nghiệp (với tỷ lệ 35% tổng số dự án), đã góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Với tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo, các nhà máy điện gió đứng thứ 2 trong số các dự án được triển khai tại tỉnh thời gian qua. Bên cạnh đó là dự án trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây dựng...

Ngoài 18 dự án năng lượng tái tạo với tổng công suất 1.345,2MW, có tổng vốn đầu tư hơn 59.000 tỷ đồng đã và đang triển khai (trong đó, 4 dự án đã hoàn thành đưa vào vận hành thương mại với tổng công suất 110,8MW), tỉnh Sóc Trăng đã thu hút được nhiều dự án lớn như: Dự án Nhà máy chế biến thủy sản và Dự án Nuôi tôm sạch công nghệ cao của Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta, với tổng vốn đầu tư 481 tỷ đồng, góp phần ổn định nguồn nguyên liệu cho chế biến, gia tăng giá trị xuất khẩu và giải quyết việc làm.

Dự án đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Trần Đề (tổng vốn đầu tư hơn 1.230 tỷ đồng) giúp mở rộng quỹ đất với hạ tầng hoàn chỉnh, tạo thêm mặt bằng sản xuất để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh. Dự án Trung tâm thương mại kết hợp nhà phố thương mại Vincom với tổng vốn đầu tư 2.000 tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu kinh doanh và vui chơi giải trí, góp phần cải thiện chất lượng sống của người dân, thay đổi tích cực diện mạo hạ tầng đô thị của TP. Sóc Trăng.

Đặc biệt, Dự án tàu cao tốc Trần Đề - Côn Đảo, là một trong những dự án du lịch quan trọng của tỉnh, với thời gian di chuyển chỉ khoảng 1 giờ 45 phút, đã thu hút một lượng lớn khách du lịch đến Sóc Trăng và tham quan Côn Đảo, góp phần tăng doanh thu dịch vụ du lịch, giúp ngành du lịch sớm trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương.

Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp

“Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, tạo sự chuyển biến rõ nét trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính, Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp”, được Đại hội

Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định là một trong 3 đột phá của tỉnh. Các cấp chính quyền tỉnh Sóc Trăng đã và đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Cụ thể:

Một là, đẩy mạnh cải cách hành chính. Tỉnh Sóc Trăng đã chủ động rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính (giảm thời gian thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh xuống còn 2 ngày, thủ tục đầu tư xuống còn 30 ngày), tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến và cung cấp thông tin trực tuyến nhằm giúp doanh nghiệp, nhà đầu tư giảm bớt thời gian và chi phí thực hiện các thủ tục. Trong thời gian tới, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đầu tư, chính sách khuyến khích đầu tư để nhiều nhà đầu tư, nhất là các tập đoàn lớn, có tiềm lực kinh tế, quản trị, công nghệ tiên tiến đến đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Sóc Trăng đã thành lập và vận hành hiệu quả Trung tâm phục vụ hành chính công, giúp cho việc thực hiện các thủ tục hành chính tập trung vào một đầu mối, nhanh gọn, giảm chi phí và thời gian của người dân, doanh nghiệp. Tỉnh Sóc Trăng bố trí cán bộ đầu mối tại không gian làm việc chung của doanh nghiệp đặt tại Trung tâm để kịp thời hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư, kinh doanh.

Bên cạnh đó, tỉnh Sóc Trăng cũng đưa vào vận hành Trung tâm giám sát điều hành tỉnh, nhằm tạo mối liên kết chặt chẽ giữa chính quyền với doanh nghiệp và người dân. Thông qua hệ thống, người dân và doanh nghiệp dễ dàng phản ánh các tồn tại, bất cập trong chỉ đạo, điều hành của các ngành, địa phương, đồng thời lãnh đạo tỉnh cũng có thể kiểm chứng hiệu quả thực thi các cơ chế, chính sách, năng lực hoạt động của các cơ quan để có những chỉ đạo khắc phục kịp thời.

Hai là, chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp. Lãnh đạo tỉnh luôn đồng hành hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thông qua việc thường xuyên họp mặt, đối thoại với doanh nghiệp để lắng nghe những phản ánh, kiến nghị nhằm kịp thời giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.

Tỉnh Sóc Trăng đã thành lập và chỉ đạo hoạt động có hiệu quả Tổ công tác phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư dự án và Tổ công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Với tinh thần cầu thị, lắng nghe và tận tâm, các tổ công tác đã kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ nhiều trường hợp khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai sản xuất, kinh doanh, đầu tư dự án.

Song song đó, đối với các dự án kêu gọi đầu tư trọng điểm, tỉnh phân công một sở, ngành làm cơ quan đầu mối. Cơ quan này có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan chuẩn bị đầy đủ điều kiện cho việc kêu gọi đầu tư dự án cũng như chủ động tiếp cận, mời gọi nhà đầu tư, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Ba là, đẩy nhanh việc giải quyết thủ tục đất đai. Tỉnh Sóc Trăng tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai như xây dựng hệ thống thông tin về đất đai; rà soát rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp.

Các địa phương thực hiện công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định để các tổ chức, cá nhân dễ tiếp cận, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất trong việc lựa chọn vị trí cũng như hoàn thiện hồ sơ về đất đai cho dự án sản xuất, kinh doanh.

Ngoài ra, tỉnh Sóc Trăng đã thành lập Tổ công tác giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm sớm bàn giao đất cho các nhà đầu tư.

Bốn là, chuẩn bị lực lượng lao động chất lượng cao để triển khai dự án đầu tư. Với dân số hơn 1,2 triệu người, lực lượng lao động hơn 642.000 người, trong đó lao động đã qua đào tạo chiếm 61%, tỉnh đảm bảo cung cấp đủ lao động có chất lượng, phù hợp với hoạt động đầu tư của doanh nghiệp. Cùng với đó, các chính sách của tỉnh trong việc hỗ trợ đào tạo lao động theo nhu cầu của nhà đầu tư cũng góp phần không nhỏ trong việc gia tăng sức hút của địa phương.

Nguồn: baodatu.vn

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Năm 2020, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; song, nhờ sự nỗ lực rất lớn và quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Trong thành tựu chung đó, có sự đóng góp tích cực của Bộ Nội vụ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác tôn giáo, tín ngưỡng và sự chung tay đóng góp của các tổ chức tôn giáo, của chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam.

1. Tình hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam năm 2020

Năm 2020, các hoạt động tôn giáo diễn ra cơ bản ổn định, tuân thủ pháp luật, theo đúng Hiến chương, điều lệ, tôn chỉ, mục đích của tôn giáo và thực hiện theo đúng phương châm hành đạo gắn bó, đồng hành với dân tộc. Quan hệ giữa chính quyền với tôn giáo ngày càng cởi mở, gắn bó hơn; khi đại dịch COVID-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, lãnh đạo của 43 tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đã chấp hành nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng, chống đại dịch COVID-19 và hướng dẫn của các cơ quan chức năng về phòng, chống dịch.

Chính quyền các cấp đã quan tâm hướng dẫn, giải quyết nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng của Giáo hội, tạo sự đồng thuận trong chức sắc tôn giáo và đồng bào có đạo, yên tâm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Một số tổ chức tôn giáo đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ và tiến hành sửa đổi Hiến chương để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

Quan hệ quốc tế của các tôn giáo đã góp phần thúc đẩy ngoại giao Nhân dân. Các tổ chức tôn giáo ở trong nước ngày càng có quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tôn giáo ở nước ngoài. Quan hệ Việt Nam - Vatican có tiến triển, hai bên đã thống nhất chủ trương nâng cấp quan hệ lên Đặc phái viên thường trú theo lộ trình chặt chẽ, đảm bảo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các thông lệ ngoại giao quốc tế. Hiện nay, các cơ quan chức năng của Việt Nam và Tòa thánh Vatican đang tiếp tục trao đổi về các nội dung trên và chuẩn bị cho vòng đàm phán thứ 9 quan hệ Việt Nam - Vatican.

2. Kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2020

2.1. Công tác tham mưu xây dựng chính sách, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo

Bộ Nội vụ đã chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước các chủ trương quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; kịp thời đề xuất xử lý đối với tình hình phức tạp về tín ngưỡng, tôn giáo mới phát sinh, cụ thể là: tham mưu xây dựng “Báo cáo đánh giá việc thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2011 - 2020 và đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch 05 năm 2021 - 2025” phục vụ xây dựng báo cáo của Tiểu ban

Kinh tế - xã hội tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tham mưu bổ sung những điểm mới về tín ngưỡng, tôn giáo cho dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP...

Bộ Nội vụ đã báo cáo Quốc hội khóa XIV kết quả giải quyết kiến nghị liên quan đến công tác tôn giáo của cử tri; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo; sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới; tổng kết việc thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2011 - 2020; triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2020; ban hành kế hoạch sơ kết 03 năm thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP...

Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các địa phương đã bám sát chỉ đạo của cấp trên, chủ động tham mưu cho cấp ủy và chính quyền cùng cấp chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương; thực hiện tốt công tác tuyên truyền đối với chức sắc, chức việc các tôn giáo tham gia thực hiện chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương; đấu tranh, phản bác các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lệch lạc, trái với thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa.

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến đường lối của Đảng và pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

Công tác tuyên truyền, phổ biến đường lối của Đảng và pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được đổi mới, đẩy mạnh thông qua Trang thông tin điện tử và Tạp chí Công tác tôn giáo; phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng các phóng sự, chương trình tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo; vai trò của các tổ chức tôn giáo tham gia phòng, chống dịch COVID-19. Qua đó khẳng định tính đúng đắn trong đường lối, chính sách, pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta; kịp thời định hướng dư luận xã hội về tình hình và công tác tôn giáo; đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch và các đối tượng xấu.

Đã tiến hành kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP; triển khai thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ Nội vụ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng; xây dựng quy trình xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo; in ấn văn bản pháp luật, tài liệu hỏi đáp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; tổ chức 11 hội nghị cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành với 2.977 lượt người tham dự; 04 hội nghị cho cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo với 625 người tham dự; cấp phát 5.342 bộ tài liệu tuyên truyền pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho đại biểu tham dự hội nghị. Đã xây dựng 02 bộ tài liệu môn học Lịch sử Việt Nam và Pháp luật Việt Nam để triển khai giảng dạy trong các cơ sở đào tạo tôn giáo.

Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chủ động ban hành Chương trình công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2020; đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương; kế hoạch kiểm tra công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tổ chức 277 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho 77.004 cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo; tổ chức 809 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 162.571 chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo (trong đó, có 189 lớp cho 20.500 chức sắc; 620 lớp cho 142.071 tín đồ).

2.3. Công tác thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

2.3.1. Công tác quản lý, hướng dẫn các hoạt động tôn giáo

Bộ Nội vụ đã chỉ đạo thực hiện nhiều đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Cụ thể, đã chủ động thiết lập kênh liên lạc online với lãnh đạo các tổ chức tôn giáo để trao đổi và hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức hội nghị thường niên, đại hội và các sinh hoạt, hoạt động tôn giáo theo đúng Hiến chương, Điều lệ và quy định của pháp luật, đã lựa chọn nhân sự lãnh đạo giáo hội là người có uy tín, gắn bó với chính quyền. Trường ban Ban Tôn giáo Chính phủ có Quyết định ban hành Chương trình, xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện giảng dạy môn học Lịch sử Việt Nam và môn học Pháp luật Việt Nam trong các cơ sở đào tạo tôn giáo.

Thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới, Bộ Nội vụ đã chỉ đạo duy trì và phát huy cơ chế làm việc giữa Ban Tôn giáo Chính phủ với Giáo hội Phật giáo Việt Nam để lắng nghe các kiến nghị; trao đổi, thống nhất giải quyết những vấn đề còn vướng mắc giữa Nhà nước và Giáo hội; tổ chức 02 phiên làm việc với Hội đồng Giám mục Việt Nam để triển khai một số công tác đối với Công giáo Việt Nam; tổ chức 03 phiên làm việc với Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam để chấn chỉnh các hoạt động lệch chuẩn tâm linh xảy ra tại một số cơ sở thờ tự Phật giáo.

Lãnh đạo Ban Tôn giáo Chính phủ đã trực tiếp làm việc với Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam và lãnh đạo Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; chỉ đạo các vụ chuyên môn làm việc với lãnh đạo các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc yêu cầu triển khai thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống dịch COVID-19. Lãnh đạo Giáo hội Công giáo và các tổ chức, hệ phái Tin lành bày tỏ “Lễ Phục sinh năm 2020 là lễ Phục sinh đáng nhớ nhất của đồng bào giáo dân”. Ban Tôn giáo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Nội vụ ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, tín đồ các tôn giáo thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đạt kết quả tích cực.

Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo đã tăng cường nắm tình hình, chủ động tham mưu cấp ủy và chính quyền địa phương quan tâm giải quyết các kiến nghị, nhu cầu chính đáng của các tổ chức tôn giáo, xử lý các vi phạm trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; chỉ đạo các cơ

quan hữu quan rà soát, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo; xem xét cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, hướng dẫn các tổ chức tôn giáo xây dựng Hiến chương, Điều lệ và thực hiện các thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo; qua đó đã tạo được sự tin tưởng của các tôn giáo đối với cấp ủy và chính quyền...

2.3.2. Công tác phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo

Bộ Nội vụ đã chủ động trao đổi thông tin với các cơ quan hữu quan để thống nhất tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác tôn giáo. Trong thời gian dịch COVID-19, Ban Tôn giáo Chính phủ đã phối hợp với Bộ Y tế làm việc với Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai công tác phòng, chống dịch tới Giáo hội Phật giáo Việt Nam các địa phương; làm việc với Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam triển khai công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong Công giáo; chủ động hướng dẫn các địa phương triển khai các mặt công tác đối với hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới, “tà đạo”, “đạo lạ”...

Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ) và Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao) đã ký kết “Chương trình phối hợp công tác về tôn giáo, tín ngưỡng đối với người Việt Nam ở nước ngoài”. Ban (Phòng) Tôn giáo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tham mưu với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Nội vụ với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng trên địa bàn.

2.4. Công tác đối ngoại tôn giáo

Trong bối cảnh dịch COVID-19, các hoạt động đối ngoại tôn giáo được duy trì theo hình thức trực tuyến. Vòng đối thoại nhân quyền Việt Nam - Mỹ lần thứ 24 được tổ chức theo hình thức trực tuyến được Đại sứ lưu động về tự do tôn giáo quốc tế Mỹ Sam Brownback đánh giá là cuộc đối thoại nhân quyền thành công nhất từ trước đến nay, hai bên đã cởi mở, thẳng thắn chia sẻ thông tin, tình hình về các vụ việc được nêu ra trên tinh thần xây dựng, hiểu biết lẫn nhau.

Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Ngoại giao và Bộ Công an triển khai công tác vận động, đấu tranh với các quốc gia và tổ chức có quan điểm khác tình hình tự do tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam; xây dựng lập luận về tự do tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác tuyên truyền đối ngoại. Chủ động duy trì quan hệ đối thoại với Tòa thánh Vatican về tình hình Công giáo tại Việt Nam; làm việc với Đại sứ Mỹ và Đại sứ - Trưởng phái đoàn EU tại Việt Nam để thông tin về tình hình, kết quả thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam; cung cấp các thông tin chính thống, phục vụ đấu tranh nhân quyền với các thế lực thù địch vu cáo Việt Nam về vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo.

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và yêu cầu của Bộ Nội vụ, trong năm 2020, các tổ chức tôn giáo đã tạm dừng cử các đoàn đi hoạt động tôn giáo ở nước ngoài và hạn chế các đoàn tôn giáo nước ngoài từ vùng dịch vào Việt Nam hoạt động để phòng, chống dịch COVID-19. Ban Tôn giáo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các cơ quan hữu quan tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo có yếu tố nước

ngoài theo đúng quy định của pháp luật, đặc biệt là các tỉnh tiếp giáp với Lào, Campuchia, Trung Quốc.

2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

Trong năm 2020, đã tiến hành 02 cuộc thanh tra chuyên ngành việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Nghệ An; 02 cuộc kiểm tra về nội dung này tại tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Thanh Hóa; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành về tôn giáo cho công chức Ban Tôn giáo Chính phủ; đôn đốc Ủy ban nhân dân các địa phương thực hiện Thông báo kết luận thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo và hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Đã tổ chức tiếp và hướng dẫn công dân thực hiện đúng quy định của pháp luật, không để đơn thư tồn đọng; phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xử lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ban Tôn giáo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chứa đựng quy phạm pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn trình tự, thủ tục giải quyết các vấn đề đối với hoạt động của các tổ chức tôn giáo trực thuộc...

3. Một số giải pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

Một là, nghiên cứu nội dung Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng liên quan đến quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo để tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Văn kiện của Đảng. Tổ chức thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ trọng tâm quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đã được phê duyệt năm 2021; chủ động nắm bắt, dự báo tình hình để có biện pháp quản lý hiệu quả, giải quyết kịp thời, dứt điểm các vấn đề phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

Hai là, tiếp tục tham mưu cho Đảng, Nhà nước hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm phát huy nguồn lực của các tôn giáo đóng góp cho xã hội. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo. Sơ kết 03 năm thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP của Chính phủ; đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản pháp luật khác có liên quan tạo sự đồng bộ trong triển khai thực hiện.

Ba là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức đại hội, đại hội đồng nhiệm kỳ theo quy định, đảm bảo nguyên tắc lựa chọn những chức sắc có đạo hạnh, uy tín, có tinh thần yêu nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc tham gia vào ban lãnh đạo các tổ chức tôn giáo. Tiếp tục duy trì cơ chế làm việc định kỳ giữa Ban Tôn giáo Chính phủ với Hội đồng Giám mục Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và lãnh đạo một số tổ chức Tin Lành, Cao Đài... Tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ hoạt động Phật giáo Nam tông Khmer theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Bốn là, tăng cường vận động chức sắc, chức việc, người có uy tín trong các tôn giáo tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Chủ động phối hợp giải quyết có hiệu quả các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; kịp thời ngăn chặn hoạt động của hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới cực đoan; chủ động cung cấp thông tin tuyên truyền chính sách, pháp luật về tôn giáo. Triển khai công tác đối với Tòa thánh Vatican; công tác đối với các nhân sự giám mục, nhất là các giáo phận đang khuyết hoặc có các giám mục đã đến tuổi nghỉ hưu.

Năm là, tiếp tục rà soát, giải quyết các vụ việc phức tạp, nổi cộm về đất đai liên quan đến tôn giáo. Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương rà soát hiện trạng đất đai của các tổ chức tôn giáo; rà soát, hoàn thiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở thờ tự tôn giáo. Rà soát, đánh giá hoạt động đào tạo chức sắc của các cơ sở đào tạo của tôn giáo, không để đào tạo “không đúng quy định” hoặc xuất cảnh ra nước ngoài tham gia đào tạo trái phép.

Sáu là, đẩy mạnh công tác đối ngoại về tôn giáo, chủ động tham gia các diễn đàn về tôn giáo quốc tế và khu vực; chủ động thông tin về tình hình tôn giáo tại Việt Nam để cộng đồng quốc tế hiểu và ủng hộ Việt Nam trong các hoạt động đối ngoại. Tiếp tục hỗ trợ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; giúp đỡ, hướng dẫn các tổ chức tôn giáo thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế theo đúng quy định. Phối hợp với các bộ, ngành chủ động xây dựng lập luận phản bác luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, chống phá Việt Nam về lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo.

Bảy là, tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành, kiểm tra thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; định hướng các hoạt động tôn giáo theo đúng thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa dân tộc và quy định của pháp luật.

Tám là, tăng cường nghiên cứu khoa học, trọng tâm là các vấn đề nóng, cấp thiết đang đặt ra trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay để phục vụ hoạch định và ban hành chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Chín là, tham mưu với Chính phủ kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các cấp theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, khóa XII, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong các tổ chức tôn giáo, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

TS. Vũ Chiến Thắng, Bí thư Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng Bộ Nội vụ

Nguồn: tcnn.vn

'QUY ĐỊNH SỐ 65-QĐ/TW NGĂN CHẶN TƯ TƯỞNG LUÂN CHUYỂN LÀ ĐỀ THĂNG QUAN TIẾN CHỨC'

Quy định số 65-QĐ/TW không nói khi cán bộ sau khi luân chuyển quay trở về thì sẽ được bố trí chức vụ cao hơn mà phải căn cứ vào kết quả công tác, nhận xét đánh giá của nơi được luân chuyển đến... thì mới bố trí công tác.

Thường trực Ban Bí thư Võ Văn Thương vừa ký Quy định số 65-QĐ/TW ngày 28/4/2022 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ với quy trình 5 bước.

Theo đó, công tác luân chuyển cán bộ là một nội dung trong công tác cán bộ đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là các cấp ủy, tổ chức đảng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu.

"Quy định số 65-QĐ/TW của Bộ Chính trị có những nội dung chặt chẽ hơn, đúc kết từ kinh nghiệm thì thấy quy trình, tiêu chuẩn rành mạch hơn và ngăn chặn được ngay từ đầu tư tưởng luân chuyển là thăng quan tiến chức".

Tiến sĩ Đinh Duy Hòa, nguyên Vụ Trưởng Vụ cải cách hành chính (Bộ Nội Vụ) nhấn mạnh điều này khi nói về Quy định số 65-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

Phóng viên: Ông nhận định như thế nào về kết quả thực hiện việc luân chuyển cán bộ của nước ta trong thời gian vừa qua?

Ông Đinh Duy Hòa: Việc luân chuyển cán bộ là một chủ trương có từ rất lâu của Đảng ta để luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ, rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII năm 1997 bàn về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng đã nêu câu chuyện luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý giữa các vùng, giữa các ngành, các cấp. Sau đó, Nghị quyết Bộ Chính trị số 11-NQ/TW năm 2002 cũng nói câu chuyện này, đặc biệt, Bộ Chính trị có Quy định số 98-QĐ/TW năm 2017 về luân chuyển cán bộ và mới đây là Quy định số 65-QĐ/TW về luân chuyển cán bộ.

Các quy định này được ban hành kế tiếp nhau, đã được tổng kết, đánh giá, khẳng định những thành công đạt được, cũng như những việc chưa đạt được như mong muốn.

Năm 2014, Trung ương có quyết định luân chuyển 44 cán bộ về các địa phương. Đây là lần đầu tiên có một đợt luân chuyển nhiều như vậy. Trong 44 cán bộ được luân chuyển, có 19 người là Thứ trưởng đương chức, 25 người là Vụ trưởng, Cục trưởng và tương đương.

44 cán bộ này khi về địa phương thì có 19 người được bố trí làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, 25 người được bố trí làm Phó Chủ tịch tỉnh, thành phố. Như vậy, trong đợt luân chuyển này, về mặt chức vụ, chức danh luân chuyển là rất "hoành tráng".

Kết quả là đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng năm 2016, có 11 cán bộ vào Trung ương, 3 cán bộ là Ủy viên dự khuyết. Tôi cho rằng tỷ lệ đạt được như vậy là khá cao.

Đến năm 2020, sau khi tổng kết, trong 44 vị luân chuyển cơ bản khoảng 85% được bố trí trở lại sau luân chuyển vào các chức vụ cao hơn. Nếu nhìn nhận về mặt đánh giá từ chuyện luân chuyển này thì thấy, 44 cán bộ có kết quả đạt được cũng khá khả quan.

Quay trở lại câu chuyện luân chuyển cán bộ, cũng có hiện tượng như dư luận nêu đó là lợi dụng việc luân chuyển để “tráng men”, để thăng quan tiến chức. Có vị đi luân chuyển trong thời gian rất ngắn đã quay trở lại rồi.

Theo tôi, Quy định số 65-QĐ/TW mới đây của Bộ Chính trị cũng đã tính đến những điểm này, khắc phục những điểm yếu trong triển khai luân chuyển cán bộ thời gian qua.

Phóng viên: “Tráng men”, “lướt ván” là những từ mà dư luận nói đến để thể hiện một sự bất bình, bức xúc về câu chuyện luân chuyển cán bộ. Theo ông, dù chỉ là “những con sâu làm rầu nồi canh”, thế nhưng hậu quả sẽ như thế nào?

Ông Đinh Duy Hòa: Ý kiến của dư luận nêu là khá xác đáng. Thực tiễn trong công tác cán bộ cho thấy, mỗi chính sách của Đảng đặt ra, tôi hình dung gần như có đối sách trở lại. Trong luân chuyển có sự đối sách trở lại về mặt chính sách này là câu chuyện tranh thủ, tận dụng để “lướt ván”, để “đá móc” trở lên. Hay chính sách về quy hoạch cán bộ thì cũng lại có câu chuyện “chạy quy hoạch”.

Như vậy, mỗi chủ trương về công tác cán bộ trong thực tiễn gắn với nó đều có sự lợi dụng để tiêu cực. Vì vậy, phải làm rõ quy trình, làm rõ trách nhiệm của các bên có liên quan trong câu chuyện này, cũng như phải có các quy định cứng để ngăn chặn các hiện tượng lợi dụng.

Phóng viên: Trong bối cảnh như vậy, theo ông, việc Bộ Chính trị ban hành Quy định 65 có ý nghĩa như thế nào?

Ông Đinh Duy Hòa: Quy định số 65-QĐ/TW đã tiếp thu kinh nghiệm, kết quả triển khai Quy định số 98-QĐ/TW năm 2017 của Bộ Chính trị về công tác luân chuyển cán bộ. Từ những tiêu cực vừa đề cập, Bộ Chính trị đưa ra những quy định ngăn chặn những tiêu cực như vậy.

Nếu như trước đây, Quy định số 98-QĐ/TW nhấn mạnh cán bộ được luân chuyển là những người trẻ triển vọng trong quy hoạch, thì lần này Quy định số 65-QĐ/TW không nói chữ “trẻ”, “trong quy hoạch” nữa vì cán bộ được luân chuyển thì nguyên tắc là cán bộ trong quy hoạch, về tuổi thì tính từ thời điểm luân chuyển, cán bộ còn phải làm việc được 10 năm nữa. Cho nên, trong Quy định mới đã bỏ từ “trẻ” và chỉ rõ cán bộ luân chuyển trong diện quy hoạch lãnh đạo. Khái niệm trẻ rất chung chung và không ai đánh giá được cái này, cho nên việc quy định rõ cán bộ trong diện quy hoạch lãnh đạo là phù hợp.

Thứ hai, Quy định số 65-QĐ/TW nói rõ, cán bộ diện luân chuyển thì chức vụ dự kiến đến nơi luân chuyển tương đương với chức vụ hiện nay cán bộ đang đảm nhiệm. Điểm này rất mới và rất thỏa đáng. Vì nhìn lại quá trình trước đây cho thấy, nhiều vị được như đi luân chuyển, chức vụ trước khi luân chuyển là Vụ phó, đến địa phương được bố trí làm Phó Chủ tịch tỉnh. Như vậy, đi luân chuyển nghĩa là đã thăng chức. Sau khi đi luân chuyển trở về lại lên một chức nữa. Có thể nói, đây là sơ hở.

Vì vậy, lần này, Bộ Chính trị quy định nguyên tắc chỉ bố trí chức danh tương đương với lúc cán bộ chưa luân chuyển. Và đặc biệt câu chuyện sau luân chuyển, Quy định số 65-QĐ/TW không nói khi cán bộ quay trở lại thì sẽ được bố trí chức vụ cao hơn mà phải căn cứ vào kết quả công tác, nhận xét đánh giá của nơi được luân chuyển đến... thì mới bố trí công tác. Tôi cho rằng, quy định như vậy là rất chuẩn.

Phóng viên: Cá nhân ông có kỳ vọng Quy định mới sẽ khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong công tác cán bộ hiện nay?

Ông Đinh Duy Hòa: Tôi hy vọng Quy định mới sẽ khắc phục được phần nào những khiếm khuyết, tiêu cực, bởi vì yếu tố quan trọng vẫn là yếu tố con người.

Lâu nay, dư luận vẫn nói về hiện tượng "chạy" trong tuyển dụng, thi tuyển hay quy hoạch, luân chuyển cán bộ... Tôi gọi đây là tham nhũng trong công tác cán bộ. Đảng ta kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những tiêu cực này.

Quy định số 65-QĐ/TW có những nội dung tương đối chặt chẽ hơn, đúc kết từ kinh nghiệm thì thấy quy trình, tiêu chuẩn rành mạch hơn và ngăn chặn được ngay từ đầu tư tưởng được luân chuyển là thăng quan tiến chức.

Cán bộ được luân chuyển khi đến nơi mới sẽ được bố trí chức vụ tương đương với chức vụ hiện đang đảm nhiệm. Trong quá trình luân chuyển, nếu cán bộ được địa phương xác nhận đánh giá tốt thì khi trở về mới được bố trí chức vụ cao hơn, còn nếu không thì vẫn giữ chức vụ cũ. Tôi tin rằng, với các quy định như vậy sẽ nó tạo điều kiện cho công tác luân chuyển được tốt hơn, hiệu quả hơn.

Tôi lấy ví dụ, cử 100 cán bộ ở Trung ương luân chuyển về địa phương, sau này có 50, 60 người được đánh giá tốt thì đã là khá rồi, chứ đừng hy vọng 100 vị quay trở lại đều được thăng quan tiến chức cao hơn. Vì, qua thực tiễn, cán bộ được cọ xát, được rèn luyện như thế nào đều được bộc lộ ra.

Phóng viên: Nhiều người quan tâm đến quy trình 5 bước luân chuyển cán bộ trong Quy định số 65-QĐ/TW, thưa ông?

Ông Đinh Duy Hòa: So sánh quy trình 5 bước của Quy định số 65-QĐ/TW so với 5 bước trong Quy định số 98-QĐ/TW thì không khác nhau lớn. Chỉ khác nhau ở điểm, Quy định số 65-QĐ/TW nói rõ trách nhiệm của cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ. Nếu sau này có câu chuyện sơ xuất, sai sót thì phải quy trách nhiệm trước hết là cơ quan tham mưu.

Vì thực tế, có trường hợp cán bộ luân chuyển vi phạm nhưng cơ quan tham mưu có trách nhiệm không, kể cả cơ quan lập kế hoạch? Vì vậy, với quy trình 5 bước được quy định trong Quy định số 65-QĐ/TW nói rõ trách nhiệm của từng cơ quan nơi đến, nơi đi... thì trách nhiệm triển khai sẽ rõ hơn. Nếu sau này quy trách nhiệm thì cũng sẽ cụ thể hơn.

Dù trách nhiệm đã cụ thể, song, điều dư luận quan tâm nhất vẫn là khâu tổ chức thực hiện. Tôi lấy ví dụ, 1 người là Bí thư Tỉnh ủy muốn bố trí cho họ hàng thân thuộc, gia đình vào chức nọ, chức kia nên chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức cán bộ. Nếu cơ quan tham mưu

không chuẩn thì sẽ có chuyện. Thực tế ở một số địa phương trước kia đã có câu chuyện họ hàng, bà con nắm một loạt chức vụ.

Vì vậy, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm của cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ rất quan trọng và phải có cơ chế giám sát để việc luân chuyển cán bộ được tốt hơn.

Phóng viên: Quy định lần này tăng thời gian luân chuyển ít nhất là 3 năm. Theo ông, liệu 3 năm có đủ để một cán bộ luân chuyển về địa phương nắm bắt tình hình cũng như có những cải cách, đột phá để mang những điều tốt đẹp hơn cho nơi mình đến?

Ông Đinh Duy Hòa: Quy định số 65-QĐ/TW cũng nói rõ trách nhiệm của nơi đến tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ luân chuyển làm việc. Nhưng việc tạo điều kiện thuận lợi thế nào, nếu người đứng đầu, cơ quan nơi cán bộ đi luân chuyển thực sự công tâm, khách quan, tạo điều kiện thì sẽ rõ ràng, thuận lợi. Song cũng có câu chuyện cán bộ luân chuyển bị cô lập thì rất khó làm việc.

Cho nên trong thời gian 3 năm sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, gồm bản thân người được đi luân chuyển, cơ quan, địa phương nơi cán bộ đến, kể cả lĩnh vực được bố trí luân chuyển cũng hết sức quan trọng.

Phóng viên: Xin cảm ơn ông!

Nguồn: vov.vn

THÁO GỠ “NÚT THẮT” NHẪM ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Thủ tục rườm rà, tâm lý sợ trách nhiệm, sự xung đột về giá trong thực hiện giải phóng mặt bằng, năng lực thi công của nhà thầu... là những “nút thắt” khiến giải ngân vốn đầu tư công chậm tiến độ.

Giải ngân vốn đầu tư công đang rất chậm

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, số vốn đầu tư công Chính phủ giao cho 5 tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bình Phước là gần 26.700 tỷ đồng. Tuy nhiên, hiện nay việc giải ngân vốn đầu tư công đang rất chậm, mới được hơn 5.071 tỷ đồng, đạt 19% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao năm 2022; trong đó, tỉnh Bình Thuận có số giải ngân cao nhất đạt 28,5%, tỉnh Khánh Hòa thấp nhất trong 5 tỉnh, đạt 14,5%.

“Số vốn Chính phủ giao cho 5 tỉnh là 26.000 tỷ đồng, nhưng đến nay mới giải ngân được hơn 5.000 tỷ đồng, trung bình giải ngân đạt 20,7%; cao nhất là hơn 34% và thấp nhất là hơn 14%. Đến nay đã gần hết nửa năm mà giải ngân rất thấp, số giải ngân này mới chỉ so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm, chưa tính đến các nguồn khác, như: nguồn vượt thu, gói kích cầu và Chương trình mục tiêu quốc gia. Bởi nếu cộng lại thì số tuyệt đối càng thấp”, Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phúc lo ngại.

Nhiều khó khăn, vướng mắc

Lý giải nguyên nhân giải ngân vốn đầu tư công chậm, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Vũ Việt Văn cho biết, do công tác chuẩn bị đầu tư dự án của các đơn vị còn hạn chế. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, giá nguyên vật liệu tăng đột biến khiến nhiều công trình phải giãn tiến độ thi công.

“Tỉnh Vĩnh Phúc có nhiều dự án trọng điểm có quy mô tổng mức đầu tư lớn khiến thời gian thực hiện thủ tục đầu tư mất thời gian. Tỉnh còn khó khăn về thẩm quyền trong việc kéo dài thực hiện, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm của các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương”, ông Vũ Việt Văn cho hay.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước Trần Tuệ Hiền cho biết, đến thời điểm hiện tại, tỉnh Bình Phước đã thực hiện phân bổ 100% kế hoạch vốn và giải ngân đạt 20% kế hoạch. Theo bà Trần Tuệ Hiền, nguyên nhân khiến công tác giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh gặp khó khăn là do công tác giải phóng mặt bằng chậm; thời gian thực hiện phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công mất nhiều thời gian. Hơn nữa còn có những nguyên nhân khách quan như: việc tăng giá nguyên vật liệu, mùa mưa đến sớm nên đã ảnh hưởng tới tiến độ thi công các dự án.

“Chúng tôi đề nghị sớm có hướng dẫn xử lý việc tăng giá nguyên, nhiên, vật liệu để địa phương có căn cứ thực hiện điều chỉnh các dự án. Cùng với đó là cho phép địa phương trình Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước phân bổ vốn kế hoạch vốn năm trước 6 tháng (đối với nguồn ngân sách địa phương) để thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công - dự toán”, bà Trần Tuệ Hiền nói.

Vụ trưởng Vụ Địa phương và lãnh thổ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Đức Tâm cho biết thêm, do diễn biến thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều; công tác chuẩn bị đầu tư của 5 tỉnh gặp khó khăn, đây là nguyên nhân từ nhiều năm nay. Năm 2022, là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch trung hạn, 15/9/2021 mới giao kế hoạch trung hạn 2021 - 2025, nên công tác chuẩn bị đầu tư không tốt nên giải ngân chậm. Nguyên nhân tiếp theo đó là công tác giải phóng mặt bằng, đặc biệt xác định nguồn gốc đất và đơn giá đền bù giải phóng mặt bằng; giá nguyên vật liệu tăng cao...

“4 tháng qua, giá nguyên liệu là sắt thép, xi măng, cát sỏi rất cao, ảnh hưởng tới tiến độ, nên thi công cầm chừng, giá cả nguyên nhiên vật liệu cao ảnh hưởng tới giải ngân. Công tác triển khai ở các địa phương cũng còn nhiều hạn chế. Tăng cường phân cấp nhưng không đi đôi với năng lực. Năng lực của một số chủ đầu tư và nhà thầu thấp, khả năng tài chính thấp nên khi bị tác động” ông Nguyễn Đức Tâm nêu rõ.

Bên cạnh những khó khăn, vướng mắc trên, Bộ trưởng Hồ Đức Phúc cũng thẳng thắn chỉ ra những “nút thắt” giải ngân đầu tư công, như: thủ tục rườm rà; tâm lý sợ trách nhiệm; sự xung đột về giá trong thực hiện giải phóng mặt bằng; năng lực thi công của nhà thầu... Do đó, các địa phương phải sát sao, quyết liệt, đặc biệt nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công.

“Trong bối cảnh chúng ta trải qua dịch bệnh nặng nề, đang phục hồi kinh tế thì giải pháp về tăng cường đầu tư công là giải pháp trọng tâm. Bởi đây là động lực để tăng trưởng, từ đó góp phần giải quyết việc làm và tăng thu ngân sách”, Bộ trưởng Hồ Đức Phúc nhấn mạnh.

Tháo gỡ “nút thắt” như thế nào?

Với tốc độ giải ngân như hiện nay, Bộ trưởng Bộ Tài chính cho rằng, các địa phương phải coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, phải động viên doanh nghiệp thi công nhanh. Các công trình chuẩn bị làm thủ tục đấu thầu, nên thực hiện theo đơn giá điều chỉnh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà nước trong thanh quyết toán.

“Lạm phát thế giới tăng cao, lạm phát trong nước cũng có khả năng tăng cao. Giá thép, vật liệu xây dựng, xăng dầu, giá nhân công đều tăng, nếu không làm nhanh, làm kiểu cuốn chiếu thì càng để lâu càng lỗ”, ông Phúc cảnh báo.

Tư lệnh ngành Tài chính dự báo tới đây, sẽ còn nhiều khó khăn, do đó, cần tập trung tháo gỡ các vướng mắc, gỡ khó cho doanh nghiệp để công trình đẩy nhanh tiến độ, đưa nhanh vào sử dụng, phát huy hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng, chống lạm phát.

“Một số các quy định phải thực hiện theo luật pháp, nhưng trong quá trình triển khai phải sáng tạo. Theo kinh nghiệm, công tác chuẩn bị là lâu nên phải đi trước 1 bước, khi được bố trí vốn, tách dự án giải phóng mặt bằng, giai đoạn bồi thường thành dự án độc lập”, người đứng đầu Bộ Tài chính chia sẻ.

Bộ trưởng cũng đề nghị các địa phương có sự linh hoạt, chủ động; thành lập tổ công tác riêng do Phó Chủ tịch tỉnh đứng đầu để đôn đốc, sát sao ngay tại hiện trường các dự án; yêu cầu Liên sở công bố các đơn giá, hệ số hàng tháng kịp thời và sát thực tế; chủ động trong công tác chuẩn bị dự án, giải phóng mặt bằng từ sớm ngay khi được bàn giao quy hoạch; công tác, thủ tục nghiệm thu cũng cần được thông suốt.

"Riêng kho bạc, giao trách nhiệm phải thanh toán ngay trong ngày, chậm nhất không quá 3 ngày. Chỗ nào làm chậm là chúng tôi cho thanh tra, kiểm tra, kỷ luật ngay. Thời gian qua, chúng tôi đã kỷ luật và điều chuyển công tác một số giám đốc kho bạc làm chậm", Bộ trưởng Hồ Đức Phúc cho biết..

Nguồn: vov.vn

CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Ngày 12/5, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết nêu rõ, khu vực doanh nghiệp nhà nước là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước. Trong các năm qua, doanh nghiệp nhà nước đã đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, an sinh xã hội, thực hiện các nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao, thể hiện vai trò nòng cốt trong một số ngành, lĩnh vực và tạo nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước. Đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 và những biến động trong khu vực và quốc tế, doanh nghiệp nhà nước đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

Bên cạnh các kết quả đạt được, khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như trong huy động nguồn lực, trong đó, vai trò dẫn dắt, tạo động lực, mở đường, thúc đẩy các thành phần kinh tế khác chưa được phát huy rõ nét. Năng lực đổi mới sáng tạo còn hạn chế, đặc biệt trong các ngành có khả năng dẫn dắt chuyển đổi cơ cấu kinh tế như các công nghệ lõi, công nghệ số trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; các ngành năng lượng mới, năng lượng sạch; các ngành chứa đựng giá trị khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo cao...

Hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước chưa tương xứng với nguồn lực nắm giữ, vẫn còn doanh nghiệp, dự án sản xuất, kinh doanh hiệu quả thấp, thua lỗ kéo dài.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác đầu tư nhằm khơi thông nguồn lực, phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (địa phương), Hội đồng thành viên, Người đại diện phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp khẩn trương quán triệt, thực hiện quyết liệt, hiệu quả những nội dung sau:

Đến hết năm 2025 phấn đấu 100% tập đoàn kinh tế, tổng công ty có dự án triển khai mới, trong đó có một số dự án đầu tư tiêu biểu, có tính chất dẫn dắt, lan tỏa, mang thương hiệu của doanh nghiệp nhà nước.

Có ít nhất 25 doanh nghiệp nhà nước có vốn chủ sở hữu hoặc vốn hóa trên thị trường chứng khoán đạt trên 1 tỷ đô la Mỹ, trong đó có ít nhất 10 doanh nghiệp đạt mức trên 5 tỷ đô la Mỹ; 100% doanh nghiệp nhà nước có định hướng và thực hiện chuyển dịch đầu tư, hướng đến các dự án đầu tư, sử dụng công nghệ xanh, sạch và giảm thải khí carbon.

Đóng góp của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước vào ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng khoảng 5% - 10% so với giai đoạn 2016 - 2020.

Một trong những nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết là đẩy mạnh việc huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Cụ thể, đẩy nhanh tiến độ xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; gắn chiến lược phát triển của doanh nghiệp nhà nước với phát triển ngành, lĩnh vực để phát huy nguồn lực quan trọng của đất nước.

Khẩn trương xây dựng và trình cấp có thẩm quyền chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty phù hợp với quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó có giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp nhà nước triển khai nghiên cứu đầu tư một số dự án quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, phục vụ mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như: năng lượng (trong đó ưu tiên năng lượng tái tạo, năng lượng sạch), công nghiệp bán dẫn, đầu tư hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia (như đường cao tốc, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển...), hạ tầng chuyển đổi số, hạ tầng ứng phó biến đổi khí hậu, cung ứng các nguyên vật liệu đầu vào quan trọng cho sản xuất (như luyện thép, hóa dầu)... trên cơ sở thế mạnh, ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp.

Xây dựng cơ chế khuyến khích phối hợp, hợp tác giữa doanh nghiệp nhà nước với nhau và với các doanh nghiệp tư nhân để thực hiện các dự án quy mô lớn, nâng cao hiệu quả tổng thể chuỗi dự án nhằm phát triển chuỗi giá trị của ngành, lĩnh vực, mở rộng không gian kinh doanh trên nguyên tắc các bên cùng đạt hiệu quả.

Nghiên cứu, nâng cao vai trò của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, nhất là vai trò là nhà đầu tư của Chính phủ để thu hút thêm nguồn lực tài chính vào các doanh nghiệp, dự án lớn, quan trọng.

Nhiệm vụ và giải pháp khác mà Nghị quyết đưa ra là nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

Cụ thể, rà soát, tinh giản bộ máy; thiết lập hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ có hiệu quả. Kiên quyết phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích, tình trạng móc ngoặc, hình thành “lợi ích nhóm”, “sân sau”, lạm dụng chức vụ, quyền hạn thao túng hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trục lợi cá nhân, tham nhũng, lãng phí, gây tổn hại cho Nhà nước và doanh nghiệp.

Chú trọng nâng cao giá trị thương hiệu, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp; tiết kiệm tối đa chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực về vốn, đất đai... của doanh nghiệp nhà nước, nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ, đẩy mạnh xây dựng uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp nhà nước trên thị trường trong nước và quốc tế.

Tăng cường áp dụng mô hình kinh doanh mới, sử dụng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường để nâng cao năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh.

Giải quyết dứt điểm tình trạng đầu tư dàn trải, ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh chính thông qua việc thoái vốn, bảo đảm các doanh nghiệp nhà nước tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 09/5, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp

Cụ thể, đối tượng bảo hiểm được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp gồm: 1. Cây trồng: Lúa, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê. 2. Vật nuôi: Trâu, bò, lợn. 3. Nuôi trồng thủy sản: Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra.

Cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) được hỗ trợ tối đa theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Theo đó, mức hỗ trợ tối đa là 90% phí bảo hiểm nông nghiệp.

Cá nhân sản xuất nông nghiệp không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo quy định nêu trên được hỗ trợ tối đa theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Theo đó, mức hỗ trợ tối đa là 20% phí bảo hiểm nông nghiệp.

Tổ chức sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ tối đa theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (20% phí bảo hiểm nông nghiệp) khi đáp ứng đầy đủ quy định sau:

Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

Có hợp đồng liên kết gắn với sản phẩm nông nghiệp là các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp, đảm bảo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Có sản phẩm nông nghiệp là các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp được chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền hoặc được công nhận là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định pháp luật về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Quyết định cũng quy định cụ thể rủi ro được bảo hiểm được hỗ trợ đối với cây lúa, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê; trâu, bò, lợn; tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra như: Thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất...); dịch bệnh đối với cây lúa (bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lùn sọc đen, đạo ôn...); dịch bệnh đối với trâu, bò, lợn (bệnh lở mồm long móng, tai xanh, nhiệt thán, xoắn khuẩn).

Quyết định nêu rõ: Không hỗ trợ cho các rủi ro dịch bệnh đối với cây cao su, hồ tiêu, điều, cà phê, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra.

Quyết định quy định cụ thể địa bàn được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp, trong đó, đối với cây lúa, tại 7 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, An Giang, Đồng Tháp.

Đối với cây cao su, tại 8 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai.

Đối với cây cà phê, tại 7 tỉnh: Sơn La, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước.

Đối với cây hồ tiêu, tại 6 tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đối với cây điều, tại 6 tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai.

Đối với trâu, bò, tại 11 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương.

Đối với lợn, tại 9 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Bắc Giang, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Đắk Lắk, Đồng Nai.

Đối với tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, tại 5 tỉnh: Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

Thời gian thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp từ ngày 24/6/2022 đến hết ngày 31/12/2025.

Anh Cao - Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ

CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 11/5, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.**

Theo Thông tư, nội dung tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Tính chất nguy hiểm, tác hại, hậu quả của cháy, nổ đối với cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội; biện pháp, quy trình phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại gia đình, trường học và cộng đồng; trách nhiệm báo tin khi có sự cố cháy, nổ, tai nạn xảy ra.

Thời lượng tổ chức các hoạt động bổ trợ, diễn tập về phòng cháy chữa cháy: Đối với trẻ em mầm non bảo đảm tối thiểu 01 buổi/năm học. Đối với học sinh phổ thông, học viên các trung tâm giáo dục thường xuyên bảo đảm tối thiểu 02 buổi/năm học. Đối với sinh viên bảo đảm tối thiểu 03 buổi/năm học.

Đối với giáo dục mầm non: Lồng ghép kiến thức, kỹ năng phòng cháy chữa cháy thông qua các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; sử dụng phương pháp giáo dục trực quan, minh họa thông qua hoạt động giáo dục phát triển thể chất.

Đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên: Lồng ghép trong nội dung các bài học của môn học trong chương trình giáo dục chính khóa; thông qua các hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, hoạt động giáo dục kỹ năng sống và trong các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt hè.

Đối với giáo dục đại học: Lồng ghép trong môn học giáo dục quốc phòng an ninh và các hoạt động ngoại khóa; phối hợp với các đơn vị có chức năng trong công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tổ chức hoạt động đào tạo, thực hành, diễn tập phù hợp với nội dung chương trình đào tạo của các nhà trường.

Yêu cầu cần đạt được đối với trẻ em mầm non là nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ; biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ.

Đối với học sinh tiểu học cần biết kỹ năng thoát nạn trong đám cháy, cách chọn lối thoát, cách sử dụng thiết bị bảo vệ cơ quan hô hấp, bảo vệ cơ thể khi xảy ra cháy, nổ; sử dụng và thực hành dập tắt đám cháy với thiết bị chữa cháy mô hình, thực hành kỹ năng thoát nạn trong môi trường khói, khí độc.

Học sinh trung học cơ sở cần biết các kỹ năng thoát nạn khi xảy ra cháy, nổ; thực hành và sử dụng thành thạo các kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ với thiết bị mô hình...

Đối với sinh viên cần thành thạo một số kỹ năng thoát nạn từ các phương tiện giao thông, trong thang máy, thang cuốn khi có các sự cố cháy, nổ; được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có nhu cầu) sau khi được cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/6/2022.

*** Ngày 02/5, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ký ban hành Thông tư số 01/2022/TT-VPCP hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

Theo Thông tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; bộ máy tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về: Chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kiểm soát thủ tục hành chính; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong

giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đầu mối Cổng thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quản lý Công báo và phục vụ các hoạt động chung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý công tác quản trị nội bộ của Văn phòng; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ngoại vụ, dân tộc (đối với địa phương không tổ chức riêng Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc).

Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sở), Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công; tham mưu, xây dựng, quản lý, theo dõi và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Phục vụ hoạt động chung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý văn bản trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện.

Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính và tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; đầu mối triển khai kết nối, liên thông các hệ thống quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương; bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật, hậu cần cho hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin cho Cổng thông tin điện tử cấp tỉnh và các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công...

*** Ngày 20/4, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký ban hành Thông tư số 03/2022/TT-BKHHCN quy định về giám định tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ.**

Theo Thông tư mới ban hành, giám định tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm giám định tư pháp thuộc các lĩnh vực: tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa (tiêu chuẩn đo lường chất lượng); công nghệ, thiết bị, máy móc; sở hữu công nghiệp; năng lượng nguyên tử.

Thông tư nêu rõ, giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc triển khai thực hiện giám định như sau: a) Lập đề cương giám định với các nội dung cơ bản sau: căn cứ thực hiện giám định theo quy định; thời gian dự kiến

hoàn thành giám định; các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện giám định. Đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, ngoài những nội dung trên, đề cương giám định của tổ chức phải bao gồm danh sách nhân sự thực hiện giám định, người được phân công chủ trì thực hiện giám định, thông tin về năng lực của các cá nhân thực hiện giám định. b) Trường hợp cần thiết, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định đề nghị với người trung cầu, yêu cầu giám định về việc khảo sát đối tượng giám định để phục vụ công tác lập kế hoạch và thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. c) Thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung cần giám định. d) Thực hiện giám định. đ) Xây dựng kết luận giám.

Trường hợp có thay đổi về cá nhân, tổ chức giám định tư pháp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cử cá nhân, tổ chức thực hiện giám định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người trung cầu, yêu cầu giám định.

Trong quá trình thực hiện, người giám định phải lập văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định theo Mẫu quy định.

Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc khi thực hiện giám định tư pháp có quyền sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác có đủ điều kiện, năng lực phù hợp theo quy định thực hiện nhằm phục vụ cho việc giám định.

Thời hạn giám định tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ tối đa là 03 tháng. Trường hợp vụ việc giám định các thiết bị, máy móc, công nghệ mới, phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng.

Thời hạn giám định này có thể được gia hạn theo quyết định của cơ quan trung cầu giám định nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa theo quy định.

Giám định tư pháp trong hoạt động KH&CN đối với các trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

Trường hợp có vấn đề phát sinh hoặc có cơ sở cho rằng vụ việc giám định không thể hoàn thành đúng thời hạn thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người trung cầu giám định và thời gian dự kiến hoàn thành, ra kết luận giám định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2022.

*** Ngày 10/5, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.**

Theo Thông tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển, gồm: quy hoạch; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch đầu tư công; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đấu thầu; đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh

tế tư nhân, hộ gia đình và tổ chức kinh tế khác...; tổ chức cung ứng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thông tư nêu rõ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện 19 nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh, dự kiến kế hoạch bố trí vốn đầu tư công 5 năm và hàng năm nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; kế hoạch xúc tiến đầu tư, chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm, danh mục dự án thu hút đầu tư của địa phương; các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó có cân đối vốn đầu tư công.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có) thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

3. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

4. Về quy hoạch, kế hoạch: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch tỉnh; kế hoạch, chính sách, giải pháp, bố trí nguồn lực thực hiện và đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh; tổ chức lấy ý kiến, tổ chức công bố quy hoạch tỉnh.

5. Về đầu tư phát triển, đầu tư theo phương thức đối tác công tư: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và dự kiến bố trí mức vốn đầu tư công cho từng nhiệm vụ, chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý.

6. Về quản lý đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài: Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp cao, khu kinh tế và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

7. Về quản lý vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

8. Về quản lý đấu thầu: Thẩm định về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư; thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu.

9. Về doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh: Tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; cấp hoặc từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp về hồ sơ, thủ tục, trình tự đăng ký doanh nghiệp; tư vấn, hướng dẫn miễn phí hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp.

10. Về kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân: Chủ trì tổng hợp, đề xuất và tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân; xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

11. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

12. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư thuộc phạm vi quản lý của ngành kế hoạch và đầu tư đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

13. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ, thực hiện chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực được giao.

14. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí;

15. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

18. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

19. Thực hiện những nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công, phân cấp theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/7/2022.

*** Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ký ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.**

Theo Thông tư, nội dung hỗ trợ gồm: Tư vấn; phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; nội dung quản lý các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đối tượng áp dụng là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và đáp ứng các quy định tại Chương II Nghị định số 80/2021/NĐ-CP về tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thông tư nêu rõ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ, doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội; căn cứ quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP để lựa chọn tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa, đảm bảo doanh nghiệp được hưởng mức hỗ trợ có lợi nhất.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể đề xuất nhiều nội dung hỗ trợ trong một hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. Tại cùng một thời điểm với cùng một nội dung hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ được gửi đến một cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa không bị hạn chế số lần hỗ trợ hoặc số lượng hợp đồng hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ quy định tính theo triệu đồng/năm/doanh nghiệp hoặc triệu đồng/năm nhưng phải đảm bảo không vượt quá tỷ lệ, định mức hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

Tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định nộp cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là bản sao hoặc bản chụp từ bản gốc, bản chính và không cần chứng thực. Trường hợp cần thiết, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đề nghị doanh nghiệp nhỏ và vừa cung cấp bản chính hoặc bản gốc để đối chiếu thông tin.

Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, Thông tư nêu rõ, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ theo nội dung và mức hỗ trợ quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này và một số quy định cụ thể như hỗ trợ học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia đào tạo, huấn luyện chuyên sâu trong nước và nước ngoài, gồm: học phí, tài liệu, ăn, ở, đi lại (bao gồm vé máy bay).

Nội dung các khóa đào tạo huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài gồm: Xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp và các nội dung khác theo nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo, gồm: Phí, lệ phí tham gia cuộc thi; ăn, ở tại nước sở tại; đi lại (bao gồm vé máy bay); vận chuyển tài liệu, sản phẩm, trang thiết bị phục vụ tham gia cuộc thi.

Về lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến, Thông tư quy định, các hình thức liên kết giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành gồm: Liên kết theo hình thức hợp đồng mua chung nguyên liệu đầu vào (doanh nghiệp nhỏ và vừa và tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành có hợp đồng mua nguyên vật liệu đầu vào từ một bên cung cấp); theo hình thức

hợp đồng bán chung sản phẩm (doanh nghiệp nhỏ và vừa và tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành có hợp đồng bán sản phẩm cho một bên thu mua); theo hình thức hợp đồng mua, bán, hợp tác; theo hình thức cùng xây dựng, sử dụng thương hiệu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/6/2022.

*** Ngày 11/5, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 26/2022/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học giai đoạn 2020 - 2025.**

Theo Thông tư, nguồn kinh phí thực hiện gồm: Nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề) được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao và mức chi quy định tại Thông tư này.

Nguồn tài chính của các cơ sở giáo dục đại học thuộc đối tượng tham gia triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học giai đoạn 2020-2025 theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Nguồn tài trợ, hỗ trợ, huy động hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định, khuyến khích áp dụng theo nội dung quy định tại Thông tư này.

Thông tư quy định các nội dung và mức chi như sau: Chi hội nghị, họp Ban chỉ đạo, Hội đồng tư vấn khối ngành, Hội đồng thẩm định chương trình để phục vụ cho hoạt động xây dựng chuẩn chương trình đào tạo đối với các trình độ của giáo dục đại học, Hội đồng tư vấn xây dựng và thẩm định báo cáo tham chiếu khung trình độ quốc gia Việt Nam và Khung tham chiếu trình độ Asean (gọi là báo cáo tham chiếu): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, Thông tư số 71/2018/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát, thu thập, so sánh, phân tích các tài liệu mô tả các dịch vụ, hoạt động, công việc của khối ngành của từng lĩnh vực đào tạo phục vụ cho hoạt động xây dựng chuẩn chương trình, báo cáo tham chiếu: Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

Chi in ấn tài liệu, mua văn phòng phẩm phục vụ cho hoạt động xây dựng chuẩn chương trình, xây dựng báo cáo tham chiếu: Thanh toán theo thực tế phát sinh do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao và hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp.

Chi thông tin, truyền thông về khung trình độ, báo cáo tham chiếu. Các nội dung chi gồm: Chi sản xuất, đăng tải, phát sóng, phát hành các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản và sản phẩm truyền thông khác.

Chi bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên theo chuẩn chương trình đào tạo của khung trình độ: Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC hướng dẫn

việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Chi rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Việc phân bổ, giao dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học giai đoạn 2020 - 2025 thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26/5/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Phê chuẩn kết quả bầu ông Lê Xuân Tiến, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kể từ ngày 26/4/2022.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Bổ nhiệm lại ông Nông Quốc Tuấn giữ chức vụ Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

* Tỉnh Hưng Yên:

Ông Đào Hồng Vận, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Văn Giang thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy, thôi giữ chức Bí thư Huyện ủy Văn Giang, nhiệm kỳ 2020 - 2025, phân công, điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, kể từ ngày 12/5/2022.

Ông Phạm Văn Khuê, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phân công, điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, kể từ ngày 12/5/2022.

Ông Lê Văn Hưng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy thôi giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, phân công, điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Văn Giang, nhiệm kỳ 2020 - 2025, kể từ ngày 12/5/2022.

Nguồn: baohinhphu.vn